



CATALOGUE

# THUỐC THÚ Y

*Có Vietvet Chăn Nuôi Vui Khỏe*



**Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu**

# Lời Giới Thiệu

Đầu tiên, thay mặt HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIETVET xin gửi tới quý khách hàng thân thiết lời tri ân sâu sắc nhất vì đã tín nhiệm và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Được thành lập và đi vào hoạt động chính thức từ năm 1999, với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, nhập khẩu và phân phối nguyên liệu thuốc thú y, thành phẩm thuốc thú ý và thuốc thủy sản từ các nước Châu Âu, CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIETVET tiếp tục phát triển lớn mạnh, chứng tỏ vị trí của mình và phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp thuốc thú y, thuốc thủy sản đứng đầu để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

VIETVET đã được BNN&PTNT - Cục Thú Y cấp giấy chứng nhận **GMP-WHO** cho 5 dây chuyền sản xuất (dây chuyền sản xuất thuốc dạng dung dịch tiêm, dây chuyền sản xuất thuốc dạng dung dịch uống, dây chuyền sản xuất thuốc dạng bột non-Beta-lactam, dây chuyền sản xuất thuốc dạng hỗn dịch tiêm, và dây chuyền sản xuất thuốc dạng bột Beta-lactam).

Công ty chúng tôi với tiêu chí: **“Có Vietvet Chăn Nuôi Vui Khỏe”** hy vọng sẽ đáp ứng mọi nhu cầu và làm hài lòng quý khách hàng.



## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu



## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu



# Mục Lục

## DUNG DỊCH TIÊM

ANALGIN .....	06
ANALGIN C	
BROM PLUS	
BROMHEXIN INJ .....	07
CANCICONAT INJ	
DOLAXIN	
DEXASONE (2)	
ENROVET INJ .....	08
FERDEX	
FOSTOSAL	
FLOSONE	
FLOTYL INJ .....	09
GENTA TYLO	
GENTYSONE	
GLU KC INJ	
KETOGEN INJ .....	10
LINCO-SPEC INJ	
MULTIVIT INJ	
MONO-SULTRIM	
MARBOCIN .....	11
OXYVET 200 L.A	
SULTRIM INJ	
SEPTOTRYL	
VV-CHYMOSENIN .....	12
VERMECTIN INJ	
VIT AD3E	
TYLOVET 200	

## HỒN DỊCH TIÊM

AMOXIVET L.A .....	13
AMOXIGEN	
AMPICOL	
AMOXICLA .....	14
CEFNOVET	
CEFNOVET (75)	
CEFTI LA (10)	
CEFTIVET L.A (5) .....	15
ENROCIN L.A	
FLOTY ONE	
PEN-STREP	

## THUỐC BỘT PHA TIÊM

CEFTI-S .....	16
CEFTI-S (New)	
CEFAXIM	
CEFAXIM (New) .....	17
CEFTRIXONE	
CEFTRIXONE (New)	
CS-01 .....	18
CS-01 (New)	
ORT PLUS	

CG16 .....	19
------------	----

CG16 (New)	
------------	--

VV CHYMOSENIN	
---------------	--

## DUNG DỊCH UỐNG

DICLACOC .....	20
DOXIVET ORAL	
ENROXACIN (10)	
ENROVET ORAL .....	21
FLUCONAZOLE	
FLODOX 30 (20)	
FLOFEN 200	
NORFLOX-200 .....	22
VV-CHYMOSENIN	
TILMI 250 ORAL	
TOLTRAZUL (Hỗn dịch uống)	

## THUỐC SÁT TRÙNG

BENGLUXIDE .....	23
IODINE 10	
IODINE 70	

## THUỐC BỘT HÒA TAN

AMOXIN W.S.P .....	24
AMOXCOLI W.S.P (50)	
APRA 500	
ANTI C.R.D .....	25
ANTICOC W.S.P	
CEFROXIL	
CEPHAXIN W.S.P (50)	
COLIS 1200 W.S.P .....	26
CEFTIFUR (15)	
DOXYCOL W.S.P	
DOXICLIN W.S.P	
GENTA-TYLO W.S.P .....	27
LINCOCIN 50% W.S.P	
LINCO-SPEC W.S.P	
NORFLOX (50)	
AMPI COLI (42) .....	28
AMPI COLI (50)	
BERIN-ST	
BERIN-ST (10)	
BỘ VỊT SỐ 01 .....	29
BỘ TRỊ BỆNH ĐẦU ĐEN	
CFOXIN	
COTRIM-F	
DOXYGEN W.S.P .....	30
ENROCIN-200 W.S.P (20)	
ERYCIN (50)	
FLOVET W.S.P (04)	
FLO-DOXY (04) PREMIX .....	31
FLOCOL 50% W.S.P	
FOSTYVET (20)	

NYSTATIN .....	31
----------------	----

NEO-DOXY W.S.P .....	32
----------------------	----

NEO-OXY W.S.P	
---------------	--

OXYVET W.S.P (50)	
-------------------	--

MONOSULTRIM (60)	
------------------	--

SUPERCOX W.S.P .....	33
----------------------	----

SULFATRIM W.S.P	
-----------------	--

TYLOSIN W.S.P 50%	
-------------------	--

TYLODOX W.S.P (10)	
--------------------	--

T.T.C KHÈC VỊT .....	34
----------------------	----

TILMI W.S.P	
-------------	--

TILMIDOX (05)	
---------------	--

TIA 50 W.S.P	
--------------	--

PARA-C (05) .....	35
-------------------	----

VV-LEVASOL	
------------	--

VV-CHYMOSENIN	
---------------	--

VERMECTIN (PREMIX)	
--------------------	--

## SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

AMINOVIT PLUS P (New) .....	36
AMINO PHOSPHORIC ACID	
BETA - GLUCAN 50	
AMINOVIT PLUS .....	37
CALCI PLUS	
METISOL	
SELEN PLUS	
ADE. B COMPLEX C .....	38
BIOZYME	
BIOTIN PLUS	
CALCIUM PHOSPHORUS	
ĐIỆN GIẢI-CHỐNG NẮNG .....	39
ELECTROLYTE	
FEED-MIX	
GLUCO K+C	
HEMATOVIT .....	40
LACTOZYM	
MEVITA B	
METHINERAL	
SUPER EGG .....	41
SORBIVIT	
SUPER WAY	
SUPERVIT	
VIT C 25% .....	42
VITAMERAL	
VITAMIN K3 (0.5%)	
VITLYTE C	

## SẢN PHẨM DÙNG NGOÀI DA

BLUVET-ONE SPRAY .....	43
GENTAVET SPRAY	
PET CLEAN SHAMPOO	
SKIN CARE SHAMPOO	

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### DUNG DỊCH TIÊM

#### ANALGIN

Hạ nhiệt,  
giảm đau, hạ sốt



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Analgin ..... 300 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Giảm đau, hạ sốt, cảm nắng, giảm viêm, giảm co thắt do viêm đường hô hấp, viêm khí quản và bệnh táo bón.  
Giảm co giật cổ tử cung, tử cung trong khi sinh, đau dạ dày và mặt, đau dây thần kinh và viêm dây thần kinh.  
Sốt sau phẫu thuật hoặc sau quá trình sinh đẻ.  
Làm dịu đi sự khó chịu của động vật lúc thụt rửa dạ dày, ruột, tắc nghẽn thực quản. Điều trị viêm xương và khớp.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp, tĩnh mạch, dưới da hoặc tiêm ổ bụng, từ 2-3 ngày.  
**Liều trung bình:** 10-20 mg/kg thể trọng.  
**Heo con:** 1ml/10 kg thể trọng/ngày.  
**Heo lớn, bê, cừu, dê:** 1ml/15 kg thể trọng/ngày.  
**Trâu, bò, ngựa:** 1ml/20-25 kg thể trọng/ngày.  
**Chó, mèo:** 1ml/10 kg thể trọng/ngày.

#### ANALGIN C

Giảm đau, hạ sốt



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Analgin ..... 250 mg  
Vitamin C ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và điều trị các trường hợp cảm sốt, kháng viêm, giảm đau ở gia súc, gia cầm, chó, mèo.  
Phòng chống stress khi đổi môi trường.  
Tăng cường hiệu quả điều trị khi kết hợp với kháng sinh.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp, ngày 2 lần.  
**Chó, mèo, heo con:** 1-2ml/con/lần.  
**Heo thịt, dê, cừu, bê, nghé:** 5-7ml/con/lần.  
**Heo nái, heo nọc, trâu, bò:** 10 ml/con/lần.  
**Lưu ý:** Nên kết hợp với kháng sinh trong các trường hợp bị nhiễm trùng.  
Nên cung cấp đủ nước và chất điện giải cho thú trong thời gian điều trị.

#### BROM PLUS

Kháng viêm, hạ sốt,  
hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Bromhexine HCl ..... 3 mg  
Dipyrone (analgin) ..... 200 mg  
Dexamethasone sodium photphat ..... 0,5 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Chống viêm, hạ sốt kết hợp với long đờm, giảm ho, giãn phế quản, giúp gia súc thở dễ dàng trong trường hợp viêm phổi và sốt cấp tính.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Heo, chó, mèo, trâu, bò, dê, cừu, ngựa:** 1ml/10 kg thể trọng.  
Tiêm sâu vào bắp thịt, ngày 1-2 lần tùy theo mức độ sốt và khó thở cho đến khi khỏi bệnh.  
Nên kết hợp với kháng sinh trong các bệnh nhiễm trùng hô hấp.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### BROMHEXIN INJ

Giảm ho, long đờm,  
giãn phế quản



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Bromhexin HCl ..... 3 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Giảm ho, long đờm, giãn phế quản. Hỗ trợ điều trị bệnh viêm phổi, viêm phế quản phổi, viêm phổi địa phương trên gia súc, heo, chó và mèo liên quan đến tiết chất nhầy bất thường trên đường hô hấp.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Dùng đường tiêm bắp.  
**Liều:** 0,5-1ml/10kg thể trọng/ngày, trong 5 ngày.  
**Liều tối đa tại một vị trí tiêm:**  
**Gia súc:** 20ml.  
**Heo:** 10ml.  
**Chó - Mèo:** 5ml.

### CANCICONAT INJ

Đặc trị sốt sữa, bại liệt trước  
và sau khi sinh, co giật



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Calcium gluconate ..... 100 mg  
Magnesium Chloride ..... 35 mg  
Vitamin B6 ..... 10 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh do thiếu calcium và magnesium như: sốt sữa, bại liệt trước và sau khi sinh, co giật, và co giật do thiếu magnesium. Điều trị một số trường hợp ngộ độc, bệnh do hạ kali trong máu.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Chó, mèo:** 0,5 - 1,5 ml/kg thể trọng.  
**Trâu, bò, heo, dê, cừu, ngựa:** 1ml/5 kg thể trọng.  
**Liều phòng:** Dùng 1 liều duy nhất trước khi sinh 24 giờ.  
**Liều trị:** Ngày dùng 2 lần cho đến khi hết triệu chứng bệnh. Pha loãng với dung dịch pha tiêm để truyền chậm vào tĩnh mạch hoặc tiêm sâu vào bắp cơ.

### DOLAXIN

Đặc trị bệnh đường hô hấp,  
hỗ trợ điều trị hội chứng PRRS  
(Tiêm 1 liều duy nhất)



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Tulathromycin ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Gia súc:** Điều trị bệnh đường hô hấp (BRD) do *Mannheimia haemolytica*, *Pasteurella multocida*, *Mycoplasma bovis* và *Histophilus somni*, viêm kết mạc trên bò (IBK) gây ra bởi *Moraxella bovis*.  
**Heo:** Điều trị bệnh đường hô hấp (SRD), viêm màng phổi, tụ huyết trùng, suyễn heo, viêm xoang ngực và xoang bụng do *Actinobacillus pleuropneumoniae*, *Pasteurella multocida*, *Mycoplasma hyopneumoniae*, *Haemophilus parasuis*, *Bordetella bronchiseptica*. Hỗ trợ điều trị hiệu quả hội chứng PRRS.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm 1 liều duy nhất.  
**Gia súc:** 1ml/40kg thể trọng, tiêm dưới da. Không tiêm quá 7,5ml tại 1 vị trí tiêm.  
**Heo:** 1ml/40kg thể trọng, tiêm bắp cổ. Không tiêm quá 2ml tại 1 vị trí tiêm.

### DEXASONE 2

Kháng viêm, chống dị ứng,  
chống sốc



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Dexamethasone sodium phosphat ..... 2 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Kháng viêm, chống dị ứng ở ngựa, gia súc, heo, chó, mèo và điều trị bệnh ketosis nguyên phát trên gia súc. Hỗ trợ trong trường hợp bị shock ở ngựa.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc tiêm dưới da.  
**Ngựa & gia súc:** 1,5 ml/50 kg thể trọng/lần.  
**Chó & mèo:** 0,5 ml/10 kg thể trọng/lần.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### ENROVET INJ

**Đặc trị tiêu chảy**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Enrofloxacin ..... 50 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm phổi địa phương, nhiễm trùng đường tiêu hóa, tiết niệu, nhiễm trùng huyết do E.coli, hội chứng MMA trên heo, trâu, bò, bê, chó, mèo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hay tiêm dưới da, từ 3-5 ngày.  
**Heo, Bê:** Tiêm bắp 0,5-1 ml/10 kg thể trọng/ngày.  
**Chó, mèo:** Tiêm dưới da 0,1 ml/kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** Tiêm dưới da 1ml/4-5kg thể trọng/ngày.

### FERDEX

**Phòng và điều trị thiếu máu trên heo con**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Sắt (dạng Dextran complex) ..... 100 mg  
Vitamin B12 ..... 100 mcg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và điều trị thiếu máu do thiếu sắt, đặc biệt là thiếu máu ở heo con và bê.  
Là thuốc bổ giúp tăng sức đề kháng với các bệnh do vi khuẩn (viêm phổi, tiêu chảy...), trong thời gian mang thai, trong thời kỳ hồi phục, bị nhiễm ký sinh trùng.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm dưới da (S.C) hoặc tiêm bắp (I.M).  
**Heo con** (3 ngày tuổi hoặc từ 7-21 ngày sau sinh): 2 ml/lần.  
**Gia súc lớn:** 5-10 ml/lần.  
**Bê:** 3 ml/lần.  
**Cừu con:** 1 ml/lần.  
**Cừu lớn:** 3-5 ml/lần.

### FOSTOSAL

**Điều trị rối loạn trao đổi chất, bại liệt, biếng ăn**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Butaphosphan ..... 100 mg  
Vitamin B12 (Cyanocobalamin) ..... 0,05 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và điều trị rối loạn trao đổi chất, suy nhược cơ thể cấp hoặc mãn tính, bại liệt, biếng ăn trên gia súc, gia cầm. Tăng sức đề kháng, phục hồi sức khỏe vật nuôi sau khi sinh.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da.  
**Trâu, bò:** 1-2 ml/50 kg thể trọng; **Bê, nghé:** 2-4 ml/50 kg thể trọng.  
**Ngựa:** 1-2 ml/50 kg thể trọng.  
**Heo nái:** 2-5 ml/50 kg thể trọng; **Heo con:** 1-2,5 ml/con.  
**Gia cầm:** 1-3 ml/lít nước uống.  
Trong những trường hợp bệnh mãn tính, dùng nửa liều điều trị, liên tục từ 1 đến 2 tuần.

### FLOSONE

**Đặc trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy (Tác dụng kéo dài 48 giờ)**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Flofenicol ..... 400 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp như: viêm ruột-tiêu chảy, viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm da, viêm dưới da, viêm giác-kết mạc,... các bệnh khác do vi khuẩn nhẹ cảm với Flofenicol gây ra ở gia súc và lợn.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da ngày 1 lần, dùng 3-5 ngày. Nếu tiêm liều thứ 2 khuyến cáo sau 48 giờ.  
**Trâu, bò:** Tiêm bắp: 1ml/20kg thể trọng.  
Tiêm dưới da: 1ml/10kg thể trọng.  
**Heo:** Tiêm bắp: 1ml/25-30kg thể trọng.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### FOTYL INJ

**Đặc trị bệnh  
đường hô hấp, tiêu hóa**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Florfenicol .....	200 mg
Tylosin tartrate .....	50 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị bệnh đường hô hấp và đường tiêu hóa như: viêm phổi, viêm phổi dính sườn, viêm phổi địa phương, viêm phế quản phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do các vi sinh vật nhạy cảm với Florfenicol và Tylosin như: *Actinobacillus pleuropneumoniae*, *Pasterella multocida*, *Mycoplasma hyopneumoniae*, *Haemophilus parasuis*, *Salmonella*, *E.coli*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Tiêm bắp liều:** 1 ml/20 kg thể trọng, dùng 2 lần cách nhau 48 giờ.  
Tại 1 vị trí tiêm không được tiêm quá 10 ml ở gia súc, 3 ml ở heo.

### GENTA TYLO

**Đặc trị nhiễm trùng  
đường hô hấp**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Tylosin tartrate .....	100 mg
Gentamicin sulfate .....	50 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, viêm khớp, viêm vú trên heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp ngày 1 lần, dùng trong 3-4 ngày.  
**Trâu, bò:** 1ml/25-30 kg thể trọng/ngày.  
**Heo, dê, cừu:** 1ml/20 kg thể trọng/ngày.  
**Chó, mèo:** 1ml/15 kg thể trọng/ngày.

### GENTYSONE

**Đặc trị hen suyễn,  
hồng lỵ, SRD**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Tylosin tartrate .....	150 mg
Gentamicin sulfate .....	60 mg
Dexamethasone sodium phosphat .....	0.3 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Kháng viêm, giảm đau, chống stress và điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Gentamicin như:  
**Gia súc, heo:** Viêm phổi, viêm màng phổi, suyễn heo, tụ huyết trùng, Lepto, hội chứng MMA, tiêu chảy và bệnh hồng lỵ.  
**Gia cầm:** Điều trị các bệnh CRD, CCRD.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, trong 3 ngày liên tiếp.  
**Gia súc, heo:** 1ml/15kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1ml/6kg thể trọng/ngày.

### GLU KC INJ

**(Thảo dược)  
Hỗ trợ điều trị, hồi sức nhanh**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Glucose .....	50 mg
Vitamin C .....	50 mg
Vitamin K3 .....	10 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm, giúp con vật phục hồi nhanh khi mắc bệnh như tai xanh PRRS, tụ huyết trùng, lở mồm long móng, gumboro, ký sinh trùng máu, cầu trùng, nhiễm trùng viêm phổi, viêm khớp do tu cầu khuẩn, liên cầu khuẩn.  
Hồi sức nhanh cho gia súc mang thai, sau khi sinh, nuôi con bú. Cung cấp năng lượng, nâng cao sức đề kháng khi con vật bị suy nhược cơ thể, bỏ ăn, ăn kém.  
Làm giảm nguy cơ xuất huyết các phủ tạng trong cơ thể, hỗ trợ cầm máu sau phẫu thuật.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp, dưới da hoặc cho uống.  
**Gia súc:** 1ml/10 kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1ml/10 kg thể trọng/ngày.  
Phối hợp với CEFTIVET L.A để tăng hiệu quả điều trị.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### KETOGEN INJ

**Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt nhanh**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Ketoprofen ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

KETOGEN INJ có tác dụng hạ sốt nhanh, giảm đau và kháng viêm trong các trường hợp nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, rối loạn tiêu hóa, viêm khớp và chấn thương cơ xương ở gia súc, cừu, dê, ngựa, heo, chó và mèo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, từ 3-5 ngày liên tiếp.

**Ngựa:** 1ml/45 kg thể trọng/ngày.

**Gia súc, cừu và dê:** 1ml/33 kg thể trọng/ngày.

**Heo:** 1ml/33kg thể trọng/ngày.

**Chó và mèo:** Pha loãng 1ml dung dịch KETOGEN INJ với 9 ml nước cất pha tiêm và tiêm liều 0,1-0,2 ml dung dịch pha loãng cho 1kg thể trọng/ngày.

### LINCO-SPEC INJ

**Đặc trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm khớp**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Lincomycin ..... 50 mg  
Spectinomycin ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị bệnh hồng lỵ, viêm phổi, viêm ruột-tiêu chảy, bệnh đóng dấu son, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, thối móng, CRD, ORT, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, bê, cừu, dê, heo, chó, mèo và gia cầm do các vi sinh vật nhạy cảm với Lincomycin và Spectinomycin.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da (gia cầm) từ 3-5 ngày.

**Trâu, bò, heo:** 1ml/10kg thể trọng/ngày.

**Heo con, bê, nghé, dê, cừu:** 1ml/5kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm, chó, mèo:** 1ml/4kg thể trọng/ngày.

### MULTIVIT INJ

**Phòng ngừa thiếu hụt VITAMIN**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Vitamin A ..... 15 000 IU Vitamin B<sub>6</sub> ..... 3 mg  
Vitamin D<sub>3</sub> ..... 1 000 IU Vitamin B<sub>12</sub> ..... 50 µg  
Vitamin E ..... 20 mg Nicotinamide ..... 35 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> ..... 10 mg Pantothenol ..... 25 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> ..... 5 mg Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và điều trị thiếu hụt vitamin, đặc biệt là khi bị bệnh truyền nhiễm, tiêu chảy, nhiễm ký sinh trùng, giai đoạn hồi phục, tăng trưởng, mang thai, cho sữa, bị stress.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da.

**Trâu, bò, ngựa:** 20-30ml; **Bé, ngựa con, lừa con & cừu:** 5-10ml.

**Heo và dê:** 2-5ml; **Heo con trên 10kg:** 0,5-2ml.

**Phòng bệnh:** Tiêm lặp lại 2 hoặc 3 tháng một lần.

**Điều trị:** Tiêm lặp đi lặp lại từ 10 đến 14 ngày.

### MONO-SULTRIM

**Đặc trị dầu đen, ký sinh trùng đường máu, cầu trùng, E.coli, tụ huyết trùng**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Sulfamonomethoxine sodium ..... 200 mg  
Trimethoprim ..... 40 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị ký sinh trùng đường máu, bệnh dầu đen, cầu trùng, ORT, E.coli, thương hàn, sung phù đầu (coryza), tụ huyết trùng trên gia súc và gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp, liên tục 4-5 ngày.

**Gia cầm:** 1ml/5-8kg thể trọng/ngày.

**Gia súc:** 1ml/10-20kg thể trọng/ngày.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### MARBOCIN

**Đặc trị viêm phổi,  
hội chứng MMA, tiêu chảy**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Marbofloxacin ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng như: viêm phổi, viêm phổi dính sườn, suyễn heo, tụ huyết trùng; viêm vú cấp tính, viêm tử cung, viêm khớp, hội chứng MMA, tiêu chảy trên gia súc và heo.

**LIỀU LƯỢNG &  
CÁCH DÙNG:**

**Gia súc:** Tiêm dưới da hoặc tiêm bắp liều 1ml/50kg thể trọng/ngày, dùng trong 3-5 ngày.  
**Heo:** Tiêm bắp liều 1ml/50kg thể trọng/ngày, dùng 3 ngày liên tiếp.

### OXYVET 200 L.A

**Đặc trị MMA, nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa  
(Tác động kéo dài 72 giờ)**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Oxytetracyclin ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Trâu, bò:** sốt do vận chuyển, viêm ruột, viêm dạ dày-ruột, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú.  
**Heo:** viêm dạ dày-ruột, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, hội chứng MMA, tụ huyết trùng, viêm phế quản và viêm khớp, bệnh Lepto.  
**Cừu & dê:** nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, sẩy thai truyền nhiễm, viêm thận và bệnh do vi khuẩn Brucella gây ra.

**LIỀU LƯỢNG &  
CÁCH DÙNG:**

**Trâu, bò, heo, cừu & dê:** Tiêm bắp 1ml/10kg thể trọng, 1 liều duy nhất. Trường hợp nặng, có thể tiêm lặp lại sau 72 giờ.  
Nếu tiêm quá 20ml ở gia súc, 10ml ở heo, 5ml ở cừu và dê, nên chia liều thành 2 hay nhiều vị trí tiêm.

### SULTRIM INJ

**Đặc trị viêm ruột,  
tụ huyết trùng, viêm phổi**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Sulfamethoxypyridazine ..... 200 mg  
Trimethoprim ..... 40 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh: viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên gia súc, heo, chó, mèo và gia cầm do vi khuẩn nhạy cảm với sulfamethoxypyridazine và trimethoprim.

**LIỀU LƯỢNG &  
CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp chậm, tiêm dưới da (gia cầm, chó, mèo) dùng 3-5 ngày.  
**Gia súc, heo:** 1ml/16kg thể trọng.  
**Gia cầm, chó, mèo:** 1ml/8kg thể trọng.

### SEPTOTRYL

**Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy,  
thương hàn, tụ huyết trùng**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Sulfamethoxazole ..... 200 mg  
Trimethoprim ..... 40 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, móng,... ở trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gà, vịt.

**LIỀU LƯỢNG &  
CÁCH DÙNG:**

Tiêm sâu bắp thịt, từ 3-5 ngày.  
**Trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu:** 1ml/10-20kg thể trọng/ngày.  
**Gà, vịt:** 1ml/5-8kg thể trọng/ngày.  
Có thể pha tan trong nước sinh lý để tiêm cho gà, vịt.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### VV-CHYMOsin

Tiêu viêm, giảm phù nề, sưng đau, tan máu bầm



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

α-Chymotrypsin ..... 4 mg  
Trypsin ..... 1 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Giảm viêm và phù mô mềm do áp xe, chấn thương hoặc giảm phù nề sau phẫu thuật.

Kết hợp điều trị viêm trong các bệnh viêm vú, viêm khớp.  
Giúp làm lỏng và giảm bài tiết các dịch đường hô hấp trên trong các bệnh: hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm cục bộ. Lặp lại sau 12-24 giờ nếu cần.

**Gia cầm:** 1ml/10-15 kg thể trọng.

**Gia súc nhỏ:** 1ml/20-30 kg thể trọng.

**Gia súc lớn:** 3-6ml/100 kg thể trọng.

### VERMECTIN INJ

Đặc trị nội, ngoại ký sinh trùng



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Ivermectin ..... 10 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Đặc trị nội, ngoại ký sinh trùng như: giun dạ dày ruột, giun phổi, rận, ghẻ, dòi,... ở gia súc, bê, ghé, dê, cừu, heo, chó, mèo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm dưới da, tuần 1 lần, liên tục 3 tuần.

**Gia súc:** 1 ml/50 kg thể trọng/lần.

**Cừu:** 0,5 ml/25 kg thể trọng/lần.

**Heo:** 1 ml trên 33 kg thể trọng/lần.

**Chó và mèo:** 0,1 ml/5 kg thể trọng/lần.

### VIT AD3E

Tăng sức đề kháng, phòng chống vô sinh, phòng chống stress



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Vitamin A (retinol palmitate) ..... 500 000 IU  
Vitamin D<sub>3</sub> (cholecalciferol) ..... 75 000 IU  
Vitamin E (α-tocopherol acetate) ..... 50 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và điều trị trường hợp thiếu vitamin A; D<sub>3</sub>; E, tăng khả năng đề kháng với các bệnh do nhiễm khuẩn và nhiễm ký sinh trùng, phòng chống vô sinh, phòng chống stress (do tiêm chủng, vận chuyển, độ ẩm cao, nhiệt độ cao hoặc thay đổi nhiệt độ), thiếu canxi trong xương, cải thiện hiệu quả chuyển đổi thức ăn.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Dùng đường tiêm bắp.

**Gia súc lớn:** 5ml/con; **Bé:** 3-4ml/con.

**Heo lớn:** 2-3ml/con; **Heo con:** 0,5-1ml/con.

**Cừu và dê lớn:** 2ml/con; **Dê và cừu con:** 0,5-1ml/con.

Điều trị bệnh dùng liên tục trong 14 ngày, tốt nhất trong ba tuần.

### TYLOVET 200

Đặc trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Tylosin (as tartrate) ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh CRD, C-CRD, ORT, viêm phổi, suyễn heo, tụ huyết trùng, hồng lỵ, viêm vú; bệnh thối móng trên bê, trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt do các vi sinh vật nhạy cảm với tylosin như: *Mycoplasma*, *E.coli*, *Staphylococcus*, *Streptococcus*, *Clostridium*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp, ngày 1 lần, từ 3-5 ngày.

**Trâu, bò:** 1ml/15-20kg thể trọng.

**Heo lớn, bê, nghé, dê, cừu:** 1ml/10kg thể trọng.

**Heo con, gà, vịt:** 1ml/7-8kg thể trọng.

# Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

## HỖN DỊCH TIÊM

### AMOXIVET L.A

**Đặc trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung**  
(Tác dụng kéo dài 48 giờ)



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Amoxicillin trihydrate ..... 150 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục - tiết niệu, viêm ruột tiêu chảy, sưng phù đầu do E.Coli, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm thận, viêm da có mủ ở bê, nghé, trâu, bò, heo, dê, cừu và chó, mèo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Dùng tiêm bắp hoặc dưới da (chó, mèo).  
**Liều chung:** 1ml/10 kg thể trọng, nếu cần thiết tiêm lặp lại sau 48 giờ.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

### AMOXIGEN

**Đặc trị viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy**  
(Tác dụng kéo dài 48 giờ)



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Amoxicillin trihydrate ..... 150 mg  
Gentamicin sulphate ..... 40 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh hô hấp phức hợp thể cấp tính như viêm phế quản, viêm màng phổi, viêm phổi, hội chứng MMA, viêm khớp, viêm ruột-tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm thận, viêm niệu đạo, viêm bàng quang, áp xe, nhiễm trùng vết thương và vết loét, viêm da, bệnh Lepto, các vi khuẩn nhạy cảm với sự kết hợp giữa Amoxicillin và Gentamicin.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp sâu hoặc tiêm dưới da (chó, mèo).  
**Trâu, bò:** 1ml/15 kg thể trọng.  
**Heo lớn, bê, nghé, dê, cừu:** 1ml/10 kg thể trọng.  
**Heo con, chó, mèo:** 1ml/7 kg thể trọng.  
Không tiêm quá 10 ml tại một vị trí tiêm.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

### AMPICOL

**Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Ampicillin trihydrate ..... 100 mg  
Colistin sulphate ..... 250 000 UI  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục-tiết niệu và nhiễm trùng vết thương như: viêm dạ dày-ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm rốn trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu và heo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Tiêm bắp, liều chung:** 1ml/10kg thể trọng, ngày 2 lần cách nhau 12 tiếng, trong 3 ngày liên tiếp.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### AMOXICLA

**Đặc trị nhiễm khuẩn nặng, viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, viêm khớp**



Quy cách: 20ml, 100ml

### CEFNOVET

**Đặc trị viêm phổi, Glasser, hội chứng MMA**



Quy cách: 20ml, 100ml

### CEFNOVET 75

**Đặc trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, tụ huyết trùng, hội chứng MMA**



Quy cách: 20ml, 100ml

### CEFTI LA 10

**Đặc trị viêm vú, viêm khớp, viêm tử cung, viêm đường hô hấp  
(Tác dụng kéo dài 72 giờ)**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Amoxicillin trihydrate ..... 140 mg  
Clavulanic acid ..... 35 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Điều trị các bệnh nhiễm trùng trên đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục - tiết niệu như:** viêm vú, viêm tử cung và nhiễm trùng khớp, rốn, áp xe... do vi khuẩn gram (+) và gram (-) gây ra trên trâu, bò, dê, cừu và heo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Dùng tiêm bắp.  
**Liều chung:** 1ml/20 kg thể trọng/ngày, từ 3-5 ngày.  
Sau khi tiêm, mát xa vị trí tiêm.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Cefquinome sulfate ..... 25 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Trên gia súc:** Điều trị các bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú kết hợp *E.coli*, thối móng, viêm da hoại tử và viêm kẽ móng, nhiễm trùng huyết do *E.coli* trên bê.  
**Trên heo:** Điều trị các bệnh: tụ huyết trùng, Glasser, viêm phổi, viêm phổi dính sườn, viêm vú-viêm tử cung-mắt sữa, viêm màng não, viêm khớp, viêm da hoại tử gây ra bởi các vi sinh vật nhạy cảm với Cefquinome như: *Pasteurella multocida*, *Haemophilus parasuis*, *Actinobacillus pleuropneumoniae*, *Staphylococcus spp*, *Streptococcus spp*, *Escherichia coli*

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Gia súc:** Tiêm bắp, liều 2ml/50kg thể trọng/ngày, từ 3-5 ngày liên tiếp.  
**Bé:** tiêm bắp, liều 2ml/25kg thể trọng/ngày, trong 3 ngày liên tiếp.  
**Heo:** tiêm bắp, liều 1-2ml/25kg thể trọng/ngày, trong 3 ngày liên tiếp.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Cefquinome sulfate ..... 7,5 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị viêm vú-viêm tử cung-mắt sữa (MMA), nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, viêm phổi dính sườn, tụ huyết trùng, viêm da hoại tử, viêm kẽ móng, , nhiễm trùng huyết, Glasser, *E.coli*, các bệnh kẽ phát của bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây ra, sốt bò ăn không rõ nguyên nhân.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da, 3-5 ngày.  
**Bò sữa, lợn nái, dê:** 1ml/15-20kg thể trọng.  
**Trâu, ngựa:** 1ml/20-25 kg thể trọng.  
**Heo con, chó, mèo:** 1ml/8-10kg thể trọng.  
**Gà, vịt, ngan:** 1ml/4-6 kg thể trọng.  
48 giờ tiêm 1 lần.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Ceftiofur ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm kẽ móng, thối móng cấp tính, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, heo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Trâu, bò:** Tiêm dưới da sau vành tai hoặc tiêm cơ cổ một lần duy nhất, liều 1ml/40kg thể trọng.  
**Heo:** Tiêm cơ cổ một liều duy nhất: 1ml/20kg thể trọng.  
Lượng thuốc tiêm vào tối đa là 4 ml/lần tiêm.  
**Lắc đều trước khi tiêm.**

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### CEFTIVET L.A 5

**Đặc trị viêm vú, viêm khớp, viêm phổi, viêm tử cung, kẽ phát tai xanh**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Ceftiofur ..... 50 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng kẽ phát sau khi mắc bệnh tai xanh trên heo; các bệnh đường hô hấp, viêm phổi, viêm vú, viêm khớp, viêm tử cung, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm thối móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo. Các bệnh nhiễm khuẩn kẽ phát trên bò sữa.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp hoặc dưới da, từ 3-5 ngày.  
**Trâu, bò:** 1ml/50 kg thể trọng.  
**Heo:** 1-3ml/50 kg thể trọng.  
**Dê, cừu:** 1ml/22 kg thể trọng.  
**Chó, mèo:** 1ml/15 kg thể trọng.  
*Lắc kỹ trước khi sử dụng.*

### ENROCIN L.A

**Đặc trị hô hấp, CRD, C-CRD**  
(Tác dụng kéo dài 48 giờ)



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Enrofloxacin ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Gia súc, cừu, dê, heo:** Đặc trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi, hen suyễn, viêm phế quản phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột, tiêu chảy ở heo con, viêm vú, viêm tử cung, viêm da, viêm khớp.  
**Gia cầm:** Điều trị bệnh CRD, C-CRD, Coryza, tiêu chảy phân trắng, dịch tả vịt, viêm khớp, các bệnh kẽ phát, bệnh Newcastle và IB.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp thịt.  
**Gia súc, cừu, dê, heo:** 1ml/20 - 40kg thể trọng.  
**Gia cầm:** 0,15 ml/1kg thể trọng, tiêm bắp.  
Tiêm lại liều thứ 2 sau 48 tiếng nếu cần thiết.  
*Lắc kỹ trước khi sử dụng.*

### FLOTY ONE

**Đặc trị viêm phổi, thương hàn, APP, tiêu chảy**  
(Tác dụng kéo dài 48 giờ)



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Flofenicol ..... 200 mg  
Tylosin tartrate ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Đặc trị viêm phổi dính sườn, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột - tiêu chảy, kẽ phát tai xanh, viêm vú, viêm tử cung, dấu son, sưng phù đầu.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp thịt.  
**Trâu, bò, heo giống:** 1ml/10-12 kg thể trọng.  
**Heo thịt, bê, nghé, dê, cừu:** 1ml/8-10 kg thể trọng.  
**Heo con, dê cừu con, chó, mèo, gà, vịt:** 1ml/5-7 kg thể trọng.  
Tiêm lặp lại sau 48 giờ, liên tục 2-3 lần.  
*Lắc kỹ trước khi sử dụng.*

### PEN-STREP

**Đặc trị viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, tiêu chảy, đóng dấu**



Quy cách: 20ml, 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml chứa

Penicillin G Procaine ..... 200 000 UI  
Dihydro streptomycin sulphate ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị sốt bò ăn, nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, bệnh đóng dấu, viêm thối móng trên trâu, bò, bê, cừu và heo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Tiêm bắp sâu  
**Trâu, bò:** 1ml/20-30kg thể trọng.  
**Bê, cừu & heo:** 1ml/10-20kg thể trọng.  
Nếu cần thiết tiêm lặp lại sau 72 giờ.  
*Lắc kỹ trước khi sử dụng.*

# Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

## THUỐC BỘT PHA TIÊM

### CEFTI-S

**Đặc trị khèc vịt,太极 gà, tụ huyết trùng, ORT**



Quy cách: 2500mg, 6250mg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1 hộp 2 sản phẩm

#### CEFTI-S:

Ceftiofur HCl ..... 6.250 mg

#### SEPTOTRYL:

Sulfamethoxazole ..... 200 mg

Trimethoprim ..... 40 mg

Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh đường hô hấp cấp tính và mãn tính. Điều trị các bệnh ho khèc, sung phù dầu, bại liệt, tụ huyết trùng, thương hàn, ORT. Các bệnh do *E.coli*, *Salmonella*, *Klebsiella*, *Vibrio* ở gà, vịt, ngan, ngỗng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp thịt: 1ml/6-8 kg thể trọng.

#### Lưu ý:

Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

Lắc đều trước khi tiêm.

### CEFTI-S (New)

**Đặc trị khèc vịt,太极 gà, tụ huyết trùng, ORT**



Quy cách: 2500mg, 6250mg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1 hộp 2 sản phẩm

#### CEFTI-S (New)

Ceftiofur HCl ..... 6.250 mg

Tá dược đặc biệt ..... sulfactam

#### SEPTOTRYL (New)

Sulfamethoxazole ..... 200 mg

Trimethoprim ..... 40 mg

Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh đường hô hấp cấp tính và mãn tính. Điều trị các bệnh ho khèc, sung phù dầu, bại liệt, tụ huyết trùng, thương hàn, ORT. Các bệnh do *E.coli*, *Salmonella*, *Klebsiella*, *Vibrio* ở gà, vịt, ngan, ngỗng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp thịt: 1ml/6-8 kg thể trọng.

#### Lưu ý:

Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

Lắc đều trước khi tiêm.

### CEFAXIM

**Đặc trị vi khuẩn Gram âm, bại huyết, ORT**



Quy cách: 2g, 10g, 25g

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1 hộp 2 sản phẩm

#### CEFAXIM

Cefotaxim sodium ..... 25 g

#### GENTAMICIN

Gentamicin sulfate ..... 15 g

Dung môi pha tiêm ..... 250 ml

#### CÔNG DỤNG:

Trị các bệnh: tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm, thương hàn, phổi thương hàn trên gia súc, gia cầm, ho cúi chó, viêm phổi phúc hợp trên bò, heo (BRD & SRD). Điều trị bại huyết trên vịt, viêm da xoang trên heo, ORT trên gà. Trị viêm vú, viêm tử cung, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết do *Pseudomonas*.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp hay tiêm tĩnh mạch.

1ml/5kg thể trọng/lần, ngày 1-2 lần. Liên tục ít nhất 3 ngày.

#### Chú ý:

Sau khi hòa tan thuốc nên sử dụng ngay. Ngưng dùng thuốc 4 ngày trước khi lấy thịt và sữa.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### CEFAXIM (New)

**Đặc trị vi khuẩn  
Gram âm, bại huyết, ORT**



Quy cách: 2g, 10g, 25g

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1 hộp 2 sản phẩm

#### CEFAXIM (New)

Cefotaxim sodium ..... 25 g

Tá dược đặc biệt ..... sulbactam

#### GENTAMICIN (New)

Gentamicin sulfate ..... 15 g

Dung môi pha tiêm ..... 250 ml

#### CÔNG DỤNG:

Trị các bệnh: tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm, thương hàn, phó thương hàn trên gia súc, gia cầm, ho cúi chó, viêm phổi phức hợp trên bò, heo (BRD & SRD). Điều trị bại huyết trên vit, viêm da xoang trên heo, ORT trên gà. Trị viêm vú, viêm tử cung, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết do *Pseudomonas*.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa tan chai dung dịch vào chai thuốc bột, lắc đều cho tan. Tiêm bắp hay tiêm tĩnh mạch.

1ml/5kg thể trọng/lần, ngày 1-2 lần. Liên tục ít nhất 3 ngày.

#### Chú ý:

Sau khi hòa tan thuốc nên sử dụng ngay. Ngưng dùng thuốc 4 ngày trước khi lấy thịt và sữa.

### CEFTRIXONE

**Đặc trị nhiễm trùng  
đường hô hấp,  
tụ huyết trùng**



Quy cách: 1g, 5g, 12.5g

**THÀNH PHẦN:**  
1 hộp 2 chai

#### Chai bột:

Ceftriaxone sodium ..... 12,5 g

**Chai dung dịch pha tiêm:** ..... 250 ml

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi sinh vật nhu: Nhiễm trùng đường hô hấp, viêm màng não cấp tính do vi khuẩn gây ra, nhiễm trùng da, nhiễm trùng đường niệu, nhiễm trùng xương & khớp, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm trùng đường ruột ở trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo và gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha đều trước khi sử dụng, tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch, từ 3-5 ngày, cách nhau 12-24 giờ.

**Gia cầm:** 1ml/4 kg thể trọng.

**Heo con:** 1ml/5 kg thể trọng.

**Bé, dê, cừu, heo lớn:** 1ml/10 kg thể trọng.

**Trâu, bò, ngựa:** 1ml/15 kg thể trọng.

**Chó, mèo:** 1ml/2-4 kg thể trọng.

### CEFTRIXONE (New)

**Đặc trị nhiễm trùng  
đường hô hấp,  
tụ huyết trùng**



Quy cách: 1g, 5g, 12.5g

**THÀNH PHẦN:**  
1 hộp 2 chai

#### Chai bột:

Ceftriaxone sodium ..... 12,5 g

Tá dược đặc biệt ..... sulbactam

**Chai dung dịch pha tiêm:** ..... 250 ml

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi sinh vật nhu: Nhiễm trùng đường hô hấp, viêm màng não cấp tính do vi khuẩn gây ra, nhiễm trùng da, nhiễm trùng đường niệu, nhiễm trùng xương & khớp, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm trùng đường ruột ở trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo và gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha đều trước khi sử dụng, tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch, từ 3-5 ngày, cách nhau 12-24 giờ.

**Gia cầm:** 1ml/4 kg thể trọng.

**Heo con:** 1ml/5 kg thể trọng.

**Bé, dê, cừu, heo lớn:** 1ml/10 kg thể trọng.

**Trâu, bò, ngựa:** 1ml/15 kg thể trọng.

**Chó, mèo:** 1ml/2-4 kg thể trọng.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### CS-01

**Đặc trị khẹc vịt, bại vịt, phân xanh, phân trắng, tụ huyết trùng**



Quy cách: 100ml, 250ml

### CS-01 (New)

**Đặc trị khẹc vịt, bại vịt, phân xanh, phân trắng, tụ huyết trùng**



Quy cách: 100ml, 250ml

### ORT PLUS

**Bộ sản phẩm chuyên trị ORT - CCRD - bại huyết**



Quy cách: 400ml

**THÀNH PHẦN:**  
Cặp kháng sinh  
gồm 2 sản phẩm

#### CEFTIVET L.A

Ceftiofur HCl .....	20 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml
<b>SEPTOTRYL</b>	
Sulfamethoxazole .....	200 mg
Trimethoprim .....	40 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp và mãn tính, bệnh tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, đau móng, viêm vú trên trâu bò, heo. Điều trị các bệnh ho khẹc, sung phù dầu, bại huyết, tụ huyết trùng, thương hàn. Các bệnh do *E.coli*, *Salmonella*, *Klebsiella*, *Vibrio* ... với các biểu hiện: viêm phổi, khò khè, ủ rũ, khẹc vịt, bại cánh, sụi già, viêm khớp, ngoeo đầu, ngoeo cổ, lật ngửa, boi xoay vòng, chết đột ngột, tiêu chảy phân xanh, phân trắng, phân nhớt vàng ở gà, vịt, ngan, ngỗng.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Rút hết dung dịch thuốc từ chai **SEPTOTRYL** bơm vào chai **CEFTIVET L.A**, lắc đều cho tan hết. Tiêm bắp thịt.  
**Gia cầm lớn:** 1ml/3-4 kg thể trọng.  
**Gia cầm nhỏ:** có thể pha loãng hỗn hợp dung dịch **SEPTOTRYL** và **CEFTIVET L.A** với nước cát hoặc nước muối sinh lý theo tỷ lệ 1:1, lắc đều hỗn hợp trước khi tiêm.  
**Lưu ý:** Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

**THÀNH PHẦN:**  
Cặp kháng sinh  
gồm 2 sản phẩm

#### CEFTIVET L.A (New)

Ceftiofur HCl .....	20 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml
<b>SEPTOTRYL (New)</b>	
Sulfamethoxazole .....	200 mg
Trimethoprim .....	40 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp và mãn tính, bệnh tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, đau móng, viêm vú trên trâu bò, heo. Điều trị các bệnh ho khẹc, sung phù dầu, bại huyết, tụ huyết trùng, thương hàn. Các bệnh do *E.coli*, *Salmonella*, *Klebsiella*, *Vibrio* ... với các biểu hiện: viêm phổi, khò khè, ủ rũ, khẹc vịt, bại cánh, sụi già, viêm khớp, ngoeo đầu, ngoeo cổ, lật ngửa, boi xoay vòng, chết đột ngột, tiêu chảy phân xanh, phân trắng, phân nhớt vàng ở gà, vịt, ngan, ngỗng.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Rút hết dung dịch thuốc từ chai **SEPTOTRYL** bơm vào chai **CEFTIVET L.A**, lắc đều cho tan hết. Tiêm bắp thịt.  
**Gia cầm lớn:** 1ml/3-4 kg thể trọng.  
**Gia cầm nhỏ:** có thể pha loãng hỗn hợp dung dịch **SEPTOTRYL** và **CEFTIVET L.A** với nước cát hoặc nước muối sinh lý theo tỷ lệ 1:1, lắc đều hỗn hợp trước khi tiêm.  
**Lưu ý:** Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

**THÀNH PHẦN:**  
BỘ GỒM 3 SẢN PHẨM

#### CEFTI LA

Ceftiofur .....	100 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

#### VV-CHYMOSIN

$\alpha$ - Chymotrypsin .....	4 mg
Trypsin .....	1 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

#### GLU KC INJ

Glucose .....	50 mg
Vitamin C .....	50 mg
Vitamin K3 .....	10 mg
Dung môi vừa đủ .....	1 ml

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**

- Bước 1:** Lắc đều chai **CEFTI L.A**, sau đó rút hết thuốc trong chai bơm vào chai **GLU KC INJ**, lắc đều để được hỗn dịch đồng nhất.
- Bước 2:** Rút hết thuốc trong chai **VV-CHYMOSIN** cho vào chai hỗn dịch vừa pha ở Bước 1, lắc đều.

**Lưu ý:** Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### CG16

**Đặc trị ORT, bại huyết, tụ huyết trùng E.Coli, thương hàn, nhiễm khuẩn huyết**



Quy cách: 2g, 10g, 25g

### CG16 (New)

**Đặc trị ORT, bại huyết, tụ huyết trùng E.Coli, thương hàn, nhiễm khuẩn huyết**



Quy cách: 2g, 10g, 25g

### VV CHYMOSEN

**Tiêu viêm, giảm phù nề - sưng đau, tan máu bầm**



Quy cách: 100ml

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1 hộp 2 sản phẩm

#### CEFTRIXONE

Ceftriaxone sodium ..... 10 g

#### GENTAMICIN

Gentamicin sulfate ..... 6 g

Dung môi vừa đủ ..... 100 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Gia cầm, thủy cầm:** Điều trị ORT, viêm mũi truyền nhiễm, thương hàn, bạch lỵ, *E.coli* kéo mảng, viêm ruột tiêu chảy, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm khớp ...

**Gia súc:** Viêm phổi phúc hợp (BRD, SRD), phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm khí quản - phế quản truyền nhiễm, viêm vú, viêm tử cung, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết ...

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Rút hết dung dịch trong chai **GENTAMICIN** bơm vào chai **CEFTRIXONE**, lắc đều cho đến khi tan hết.

Tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, dùng liên tục ít nhất 3 ngày.

**Liệu:** 1ml/5-6kg thể trọng, ngày 1-2 lần tùy tình trạng bệnh.

**Lưu ý:** Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay. Không dùng quá liều chỉ định ...

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1 hộp 2 sản phẩm

#### CEFTRIXONE (New)

Ceftriaxone sodium ..... 10 g

Tá dược đặc biệt ..... sulbactam

#### GENTAMICIN (New)

Gentamicin sulfate ..... 6 g

Dung môi vừa đủ ..... 100 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Gia cầm, thủy cầm:** Điều trị ORT, viêm mũi truyền nhiễm, thương hàn, bạch lỵ, *E.coli* kéo mảng, viêm ruột tiêu chảy, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm khớp ...

**Gia súc:** Viêm phổi phúc hợp (BRD, SRD), phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm khí quản - phế quản truyền nhiễm, viêm vú, viêm tử cung, sốt hậu sản, nhiễm khuẩn huyết ...

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Rút hết dung dịch trong chai **GENTAMICIN** bơm vào chai **CEFTRIXONE**, lắc đều cho đến khi tan hết.

Tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, dùng liên tục ít nhất 3 ngày.

**Liệu:** 1ml/5-6kg thể trọng, ngày 1-2 lần tùy tình trạng bệnh.

**Lưu ý:** Thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay. Không dùng quá liều chỉ định ...

**THÀNH PHẦN:**  
1 hộp 2 chai

#### Chai bột:

α-Chymotrypsin ..... 400 mg

Trypsin ..... 100 mg

#### Chai dung dịch pha tiêm:

Dung môi, tá dược vừa đủ ..... 100 ml

**CÔNG DỤNG:**

Giảm viêm và phù mô mềm do áp xe, chấn thương hoặc giảm phù nề sau phẫu thuật.

Kết hợp điều trị viêm trong các bệnh viêm vú, viêm khớp. Giúp làm lỏng và giảm bài tiết các dịch đường hô hấp trên trong các bệnh: hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha đều với lọ dung môi pha tiêm trước khi sử dụng, tiêm bắp hoặc tiêm cục bộ, lặp lại sau 12-24 giờ nếu cần.

**Gia cầm:** 1ml/10-15 kg thể trọng.

**Gia súc nhỏ:** 1ml/20-30 kg thể trọng.

**Gia súc lớn:** 3-6 ml/100kg thể trọng.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### DUNG DỊCH UỐNG - HỖN DỊCH UỐNG

#### DICLACOC

**Đặc trị cầu trùng**



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml

Diclazuril ..... 25 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và điều trị cầu trùng trên bê, nghé, cừu và gia cầm do *Eimeria crandallis*, *Eimeria bovis*, *Eimeria tenella*, *E.necatrix*, *E.acervulina*, *E.brunetti*, *E.mitis*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha vào nước uống.

**Bê, nghé, cừu:**

**Liều điều trị:** liều duy nhất 1ml/25kg thể trọng/ngày.

**Liều phòng:** 1ml/25kg thể trọng, lúc 4-6 tuần tuổi.

**Gia cầm:** 1ml/2 lít nước uống hoặc 1ml/10-15kg thể trọng/ngày, dùng liên tục 2 ngày.

Khuyến cáo nên điều trị toàn đàn cùng một lúc.

#### DOXIVET ORAL

**Đặc trị CRD, ORT, viêm phổi, sưng phù đầu, tụ huyết trùng**



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml

Doxycycline (as hyolate) ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

**Gia cầm:** Điều trị viêm phổi, CRD, ORT, C-CRD, tiêu chảy, sưng phù đầu do *E.coli*, thương hàn, tụ huyết trùng.

**Heo:** Điều trị viêm phổi, viêm màng phổi do *Mycoplasma*, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do *E.coli*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Hòa vào nước uống theo liều.

**Gia cầm:** 1-2ml/10kg thể trọng/ ngày, 3-5 ngày liên tục.

**Heo:** 1ml/10kg thể trọng/ngày, 5 ngày liên tục.

#### ENROXACIN 10

**Đặc trị viêm phổi, CRD, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn,太极 gà - gà rù**



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1ml

Enrofloxacin ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hoá, nhiễm trùng đường hô hấp và nhiễm trùng đường tiết niệu do các vi sinh vật nhạy cảm với enrofloxacin, như: *Campylobacter*, *E.coli*, *Haemophilus*, *Mycoplasma*, *Pasteurella* và *Salmonella spp...* ở bê, dê, gia cầm, cừu và heo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, trong 3-5 ngày.

**Bê, dê con & cừu:** 1ml/7,5-15 kg thể trọng, dùng 2 lần/ngày.

**Heo:** 1ml/1-3 lít nước uống.

**Gia cầm:** 1ml/1,5-2 lít nước uống.

Nước đã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### ENROVET ORAL

Đặc trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy do E.coli



Quy cách: 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

### FLUCONAZOLE

Đặc trị nấm phổi, nấm nội tạng, nấm diều, nấm ngoài da, nấm đường tiêu hóa



Quy cách: 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

### FLODOX 30 20

Đặc trị viêm phổi, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy



Quy cách: 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

### FLOFEN 200

Đặc trị thương hàn, tụ huyết trùng, CRD, tiêu chảy



Quy cách: 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Enrofloxacin ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

**Gia cầm:** Điều trị tiêu chảy, CRD, C-CRD, Coryza (gây sưng phù đầu), thương hàn, tụ huyết trùng.

**Heo, bê, nghé:** Điều trị tiêu chảy do E.coli, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, từ 3-5 ngày.

**Bê, nghé:** 1ml/20-25kg thể trọng, 2lần/ngày.

**Heo:** 1ml/3-5 lít nước uống/ngày.

**Gia cầm:** 1ml/4 lít nước uống/ngày.

Nuôi dã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Fluconazole ..... 15 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị bệnh nấm phổi, nấm nội tạng, nấm diều, nấm đường tiêu hóa, nấm da, nấm hệ thần kinh và tiết niệu trên gia cầm, chim, chó và mèo. Fluconazole điều trị hiệu quả các bệnh nặng, có tình trạng bội nhiễm nấm nhiều.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

**Liệu điều trị:**

**Gia cầm, chim:** 1ml/5kg thể trọng hoặc 1ml/lít nước uống, dùng liên tục 5-7 ngày.

**Phòng bệnh:**

**Gia cầm, chim non:** Cách 10 ngày cho uống 1 đợt thuốc 2 ngày.

**Gà, vịt:** Khoảng 2-3 tuần cho uống 1 đợt thuốc 2 ngày.

**Chó, mèo:** 1ml/4-6kg thể trọng, dùng liên tục 4-6 tuần.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Florfenicol ..... 200 mg  
Doxycycline HCl ..... 100 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn Gram(-), Gram(+) gây ra như: Thương hàn, viêm phổi, hen suyễn, viêm ruột, E.coli, tiêu chảy phân xanh, phân trắng, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, sưng phù đầu... ở gia cầm, lợn.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống trực tiếp, dùng liên tục 5-7 ngày.

**Gia cầm:** 1ml/2 lít nước uống hoặc 1ml/15-20kg thể trọng.

**Heo:** 1ml/20-25kg thể trọng.

Nuôi dã pha thuốc nên được sử dụng ngay lập tức và pha mới lại sau 24 giờ trong suốt quá trình điều trị.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Florfenicol ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp do các vi sinh vật nhạy cảm Florfenicol như: *Actinobacillus app., pasteurella spp., salmonella spp., streptococcus spp.* và *E.coli* ở lợn và gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước uống hoặc dùng trực tiếp, từ 3-5 ngày.

**Heo:** 1ml/4 lít nước uống hoặc 1ml/20kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm:** 1ml/2 lít nước uống hoặc 1ml/10kg thể trọng/ngày.

**Chú ý:** Nuôi dã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### NORFLOX-200

Đặc trị thương hàn, tiêu chảy



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Norfloxacin HCl ..... 200 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

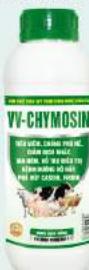
**Điều trị** **nhiêm trùng đường tiêu hóa, hô hấp và đường niệu do vi sinh vật nhạy cảm với Norfloxacin như: *E.coli*, *Haemophilus*, *Mycoplasma*, *Pasteurella*, *Salmonella spp.*, ... trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm.**

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước uống hoặc cho uống trực tiếp, trong 3-5 ngày.  
**Gia súc:** 1ml/15-20kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1ml/10kg thể trọng/ngày hoặc 1ml/2lít nước uống.  
Nuốc đã pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

### VV-CHYMOSIN

Tiêu viêm, chống phù nề, giảm dịch nhầy, tan đờm, hỗ trợ điều trị bệnh đường hô hấp, phá hủy CASEIN, FIBRIN



Quy cách: 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

$\alpha$ - Chymotrypsin ..... 4 mg  
Trypsin ..... 1 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Kết hợp điều trị viêm và phù mô trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo, gia cầm.  
Tan máu bầm, giảm viêm, giảm phù nề sau phẫu thuật.  
Nhờ tác dụng thủy phân protein của fibrin và casein, làm mất đi nơi khu trú của mầm bệnh, giúp tăng hiệu quả sử dụng kháng sinh đối với vi khuẩn, giúp làm lỏng và giảm bài tiết các dịch đường hô hấp trong các bệnh: hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước cho uống.  
**Gia vịt:** 1ml/5-10 kg thể trọng.

### TILMI 250 ORAL

Đặc trị CRD, ORT, CCRD, viêm phổi



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Tilmicosin ..... 250 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi địa phương, viêm phổi dính sườn, viêm phổi da thanh dịch, tụ huyết trùng trên bê, heo và các bệnh CRD, ORT, CCRD trên gà, gà tây do các vi sinh vật nhạy cảm với Tilmicosin như: *Mycoplasma*, *Pasteurella multocida*, *Actinobacillus pleuropneumoniae*, *Actinomyces pyogenes* và *Mannheimia haemolytica*.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước uống, dùng 3-5 ngày.  
**Gia cầm:** 1ml/3 lít nước uống hoặc 1ml/12,5-16kg thể trọng/ngày.  
**Gia súc:** 1ml/20kg thể trọng dùng 2 lần/ngày.

### TOLTRAZUL

Đặc trị Cầu trùng ở heo con, bê, nghé



Quy cách: 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Toltrazuril ..... 50 mg  
Dung môi vừa đủ ..... 1 ml

#### CÔNG DỤNG:

Phòng và trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con, bê, nghé và ngăn ngừa lây lan cầu trùng từ bê sang bò đang cho sữa.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

**Heo con:** Từ 3-5 ngày tuổi, dùng 1 liều duy nhất 0,4ml/1kg thể trọng.  
**Bê, nghé:** Chỉ 1 liều 3ml/10kg thể trọng.  
Để đảm bảo dung liều, trọng lượng thú nên được xác định càng chính xác càng tốt.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### THUỐC SÁT TRÙNG

#### BENGLUXIDE

**Thuốc sát trùng phổ rộng,  
tác động nhanh,  
không gây ăn mòn**



Quy cách:  
250ml, 500ml, 1 lít

#### IODINE 10

**Sát trùng vết thương, tay vắt sữa,  
nhúng vú viêm, sát trùng chuồng trại,  
phương tiện vận chuyển,  
khử mùi hôi chuồng trại**



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### IODINE 70

**Thuốc sát trùng phổ rộng,  
tác động nhanh, tiêu diệt hiệu quả  
các mầm bệnh, an toàn khi phun xịt  
chuồng nuôi có thú**



Quy cách:  
100ml, 250ml, 500ml, 1 lít

#### THÀNH PHẦN: Trong 1 lít

Benzalkonium chloride ..... 150 g  
Glutaraldehyde ..... 150 g  
Dung môi vừa đủ ..... 1 lít

#### CÔNG DỤNG:

BENGLUXIDE là thuốc sát trùng đa năng, phổ rộng, hoạt động nhanh và không gây ăn mòn. Hoạt động trong môi trường pH rộng, có sự có mặt của protein và các chất hữu cơ khác.  
BENGLUXIDE được dùng để sát trùng chuồng trại, xe chở động vật và phương tiện vận chuyển, thiết bị chăn nuôi, khu vực chế biến, thiết bị nhà xưởng và kho sản xuất.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Sát trùng định kỳ hoặc cuối kỳ chuồng trại: Pha loãng tỉ lệ 1/400 (2,5ml/lít).  
Sát trùng chuồng trại khi có dịch (có giá súc trong chuồng): Pha loãng tỉ lệ 1/400 (3,3ml/lít).  
Tiêu độc hổ sát trùng, tiêu độc xác chết: Pha loãng tỉ lệ 1/100 (10ml/lít).  
Sát trùng xe chở gia súc, nhà giết mổ gia súc, nhà vắt sữa, lò ấp trứng: Pha loãng tỉ lệ 1/500 (2ml/lít).  
Khử trùng trứng trước khi áp (nhúng trứng): Pha loãng tỉ lệ 1/1000 (1ml/lít).  
Khử trùng nước: Pha loãng tỉ lệ 1/2000 (0,5ml/lít).  
Lưu ý: Rửa sạch dụng cụ, chuồng trại để khô trước khi phun thuốc, xịt thuốc cho đủ ướt (1 lít/2,5-3m<sup>2</sup> bề mặt).

#### THÀNH PHẦN: Trong 1 lít

Povidone Iodine ..... 10 g  
Dung môi vừa đủ ..... 1 lít

#### CÔNG DỤNG:

Đây là thuốc sát trùng phổ rộng, tác động nhanh. Tiêu diệt vi khuẩn gram âm và gram dương, nấm, virus, Protozoa và nấm mốc.  
Sát trùng vết thương, tay người vắt sữa, vị trí tiêm, phẫu thuật ngoại khoa và nhúng vú viêm.  
Sát trùng chuồng trại chăn nuôi, xe chở động vật, khu vực chế biến và nhà xưởng, kho chứa hàng. Khử mùi hôi chuồng trại.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Tiêu độc, khử trùng chuồng trại, máng ăn: 1 lít/ 100-250 lít nước. Phun đều bề mặt chuồng, dụng cụ chăn nuôi và môi trường xung quanh, mỗi tuần 1-2 lần, từ 2-3 tuần.  
Sát trùng vết thương hay nốt loét do bệnh MLM: Pha loãng tỉ lệ 1:2 bôi trực tiếp lên vết thương.  
Sát trùng tay chân, nốt tiêm, vùng mổ ngoại khoa: 10 ml/ 1 lít nước.  
Sát trùng đầu vú, núm vú và tay vắt sữa, thuỷ rửa tử cung, âm đạo: 10 ml/ 1 lít nước.  
Lưu ý: Rửa sạch dụng cụ, chuồng trại trước khi phun thuốc.  
Phun thuốc đã pha loãng lên bề mặt nền, vách chuồng theo tỉ lệ 1 lít thuốc/ 2,5-3 m<sup>2</sup>.

#### THÀNH PHẦN: Trong 100 ml

Povidone Iodine ..... 70 g  
Dung môi vừa đủ ..... 100 ml

#### CÔNG DỤNG:

Đây là thuốc sát trùng phổ rộng, hành động nhanh. Tiêu diệt vi khuẩn gram âm và gram dương, nấm, virus, Protozoa và nấm mốc.  
Sát trùng vết thương, tay người vắt sữa, vị trí tiêm, phẫu thuật ngoại khoa và nhúng vú viêm.  
Sát trùng chuồng trại chăn nuôi, xe chở động vật, khu vực chế biến và nhà xưởng, kho chứa hàng. Khử mùi hôi chuồng trại.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Rửa sạch và làm khô bề mặt trước khi phun thuốc sát trùng.  
Khử trùng chuồng trại chăn nuôi: pha loãng 100 ml thuốc sát trùng vào 50 lít nước sạch, 1-2 lần/tuần, liên tục 2-3 tuần.  
Sát trùng vết thương, vết loét hoặc nhiễm trùng nấm da và nhiễm khuẩn: pha loãng 1 lít thuốc sát trùng vào 2 lít nước sạch (pha loãng tỉ lệ 1:2).  
Sát trùng tay vắt sữa, vị trí tiêm, vùng mổ ngoại khoa: pha 10 ml thuốc sát trùng vào 2 lít nước sạch.  
Nhúng hoặc xịt vú viêm: pha 10 ml thuốc sát trùng vào 2 lít nước sạch.

# Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

## THUỐC BỘT HÒA TAN

### AMOXIN W.S.P

**Đặc trị viêm phổi,  
viêm ruột, tiêu chảy,  
sưng phù đầu**



Quy cách:  
10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### AMOXCOLI W.S.P 50

**Đặc trị viêm phổi,  
thương hàn, tiêu chảy**



Quy cách:  
10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### APRA 500

**Đặc trị bệnh đường tiêu hóa,  
E.coli kéo màng, hồng lỵ,  
phó thương hàn, sưng phù đầu**



Quy cách:  
10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Amoxicillin trihydrate ..... 500 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột-tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da và nhiễm trùng vết thương trên bê, heo và gia cầm do vi sinh vật nhạy cảm với amoxicillin như: *Actinobacillus*, *Pasteurella*, *Salmonella*, *Clostridium*, *Pseudomonas aeruginosa*, *Corynebacterium*, *E.coli*, *Haemophilus*.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc pha nước uống, từ 4-5 ngày.  
**Gia cầm:** 1g/25kg thể trọng/ngày hoặc 1g/5lít nước uống.  
**Heo:** 1g/25kg thể trọng, 2 lần/ngày.  
**Bê:** 1g/50kg thể trọng, 2 lần/ngày.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Amoxicillin trihydrate ..... 500 mg  
Colistin sulphate ..... 2 000 000 UI  
Tá dược vừa đủ ..... 1g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gram (-), Gram (+) gây ra: viêm phổi, viêm phế quản phổi, *Colibacillosis*, viêm khớp, viêm ruột - tiêu chảy, viêm màng não, viêm rốn, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa, áp xe da, viêm teo mũi, tụ huyết trùng, thương hàn... ở gia súc, gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước cho uống hoặc trộn thức ăn, liên tục 3-5 ngày.  
**Gia cầm:** 1g/25 kg thể trọng/ngày hoặc 1g/5 lít nước uống.  
**Gia súc:** 1g/25-50 kg thể trọng/ngày.  
**Lưu ý:** Nước có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 8 giờ.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Apramycin sulfate ..... 500 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy do *E.coli*, *E.coli* kéo màng, hồng lỵ, phó thương hàn, nhiễm trùng máu, sưng phù đầu, sưng mí mắt trên gia cầm, heo, bê, nghé, cừu, thỏ.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục 3-7 ngày.  
**Gia cầm:** 1g/15-25 kg thể trọng hoặc 1g/ 2-4 lít nước uống.  
**Heo con:** 1g/25-50kg thể trọng/ngày.  
**Heo lớn:** 1g/40-65 kg thể trọng/ngày.  
**Bê, nghé:** 1g/15-20 kg thể trọng.  
**Dê, cừu:** 1g/33-50 kg thể trọng.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### ANTI C.R.D

Đặc trị hen gà,  
CRD, CCRD ghép E.coli,  
sưng phù đầu, suyễn lợn



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### ANTICOC W.S.P

Đặc trị cầu trùng



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### CEFROXIL

Đặc trị các bệnh hô hấp, CRD,  
viêm khớp, tiêu hóa trên gia cầm



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### CEPHAXIN W.S.P<sup>50</sup>

Đặc trị tụ huyết trùng, CRD, CCRD,  
hô hấp, thương hàn, tiêu chảy



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Spiramycin ..... 500 000 UI  
Trimethoprim ..... 50 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm trùng toàn thân, nhiễm trùng đường hô hấp và các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa ở trâu, bò, lợn và gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước hoặc sữa cho uống, liên tục 3-5 ngày.  
**Liều dùng:** 1g/5-7kg thể trọng/ngày.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Sulfaclozine sodium monohydrat ..... 300 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị bệnh cầu trùng do nhiễm các loại Eimeria, tiêu chảy, thương hàn do *Salmonella gallinarum* và bệnh tụ huyết trùng do *Pasteurella multocida* gây ra trên gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

1g/5kg thể trọng/ngày hoặc 1g/1 lít nước uống, dùng liên tục 3 ngày.  
**Trị cầu trùng:** 1,5-2g/5kg thể trọng/ngày hoặc 1,5-2g/lít nước uống.  
**Trị tiêu chảy, thương hàn:** 1-2g/5kg thể trọng/ngày hoặc 1,5-2g/lít nước uống, dùng ít nhất 5 ngày.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Cefadroxil ..... 200 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị bệnh hô hấp mãn tính (CRD), các biến chứng của bệnh CCRD, khó thở, khò khè, chảy nước mũi, sưng phù đầu.  
Phòng trị bệnh viêm khớp do *Mycoplasma*, sưng khớp, gà đi đứng khó khăn hoặc không đi được.  
Trị các bệnh đường ruột, tiêu chảy, viêm ruột, phân sống.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, từ 3-5 ngày.  
**Liều tổng quát trên gia cầm:** 1g/15kg thể trọng.  
**Trị bệnh:** 1g/1 lít nước uống.  
**Phòng bệnh:** bằng ½ liều trị bệnh, liên tục 2-3 ngày.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Cephalexin ..... 500 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị các loại vi khuẩn Gram (+), Gram (-) như: *Streptococcus*, *Staphylococcus*, *Corynebacterium*, *Pasteurella*, *E.coli*, *Actinobacillus*,...  
Đặc trị tụ huyết trùng, viêm ruột hoại tử, *Mycoplasma*, nhiễm trùng đường hô hấp, hen, hội chứng sưng đầu và các bệnh viêm da nhiễm trùng thứ phát do virus ở gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc pha nước cho uống, liên tục 3-5 ngày.  
**Gia súc:** 1g/45-50 kg thể trọng.  
**Gia cầm:** 1g/25 kg thể trọng hoặc 1g/5lít nước.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### COLIS 1200 W.S.P

**Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng, thương hàn**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Colistin sulphate ..... 1 200 000 UI  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin như: *E.coli*, *Haemophilus* và *Salmonella spp.* ở bê, dê, gia cầm, cừu và heo.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha vào nước uống hoặc trộn với thức ăn, từ 5-7 ngày.  
**Bê, dê và cừu:** 1g/20 kg thể trọng, 2 lần mỗi ngày.  
**Gia cầm và heo:** 1g/1-2 lít nước uống hoặc 1g/0,5-1 kg thức ăn.

### CEFTIFUR 15

**Đặc trị viêm phổi, ORT, CRD, CCRD, tụ huyết trùng, *E.coli* kéo mảng**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Ceftiofur HCl ..... 150 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, tiêu chảy, *E.coli*, ORT, CRD, CCRD. Ngăn ngừa hiện tượng chết sớm ở gà, vịt con.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3-5 ngày.  
**Gia súc:** 1g/30kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/15-20kg thể trọng/ngày.  
**Lưu ý:** Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên sử dụng trong vòng 24 giờ.

### DOXYCOL W.S.P

**Đặc trị viêm phổi, hen suyễn, CRD, viêm ruột**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Doxycyclin hyclate ..... 50 mg  
Colistin sulfate ..... 50 000 UI  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp và nhiễm khuẩn đường tiêu hóa.  
**Bê, heo:** Viêm phế quản phổi, suyễn, tụ huyết trùng, viêm da xoang, tiêu chảy do *E.coli*, sung phù đầu, thương hàn, nhiễm trùng huyết.  
**Gia cầm:** Viêm xoang mũi truyền nhiễm, CRD, bệnh tiêu chảy do *E.coli*, thương hàn, viêm ruột, nhiễm trùng huyết.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, từ 3-5 ngày.  
**Bê, heo:** 5g/20kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 10g/2,5-5 lít nước uống/ngày.  
Nếu trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

### DOXICLIN W.S.P

**Đặc trị CRD, ORT, CCRD, tụ huyết trùng, viêm phổi**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Doxycycline hyclate ..... 500 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp và nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline như: *Mycoplasma*, *Pasteurella*, *Haemophilus spp.*, *Bordetella*, *Streptococcus*, *Salmonella*, *Campylobacter*, *E.coli*.  
**Bê & heo:** Viêm khớp, viêm màng phổi do *Mycoplasma*, viêm da dày-ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng, thương hàn.  
**Gia cầm:** Viêm xoang mũi, viêm khớp do *Mycoplasma*, CRD, ORT, CCRD, coryza, viêm rốn, viêm ruột, tụ huyết trùng, thương hàn.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, từ 3-5 ngày.  
**Bé:** 1g/50kg thể trọng/ngày; **Heo:** 1g/25kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/25kg thể trọng/ngày hoặc 1-2g/5lít nước/ngày.  
Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay.  
Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### GENTA-TYLO W.S.P

**Đặc trị viêm phổi, hen suyễn trên heo và CRD trên gia cầm**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### LINCOCIN 50% W.S.P

**Đặc trị viêm ruột tiêu chảy, hồng lỵ, tụ huyết trùng, nhiễm trùng huyết**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### LINCO-SPEC W.S.P

**Đặc trị tiêu chảy, viêm phổi, CRD, CCRD**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### NORFLOX 50

**Đặc trị hen, E.coli, tiêu chảy, thương hàn**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Gentamicin sulfate .....	30 mg
Tylosin tartrate .....	20 mg
Dexamethasone sodium phosphate .....	0,5 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Phòng ngừa và điều trị:  
Viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, hen suyễn, leptospirosis ở heo.  
Tiêu chảy do *E.coli*, *Salmonella*, *Pseudomonas*, *Klebsiella*, phân xám, phân nâu ở gia cầm, heo, trâu bò.  
Hồng lỵ và tiêu chảy do *Treponema hyodysenterie*, *E.coli*, *Salmonella*, *Clostridium* ở heo và gia súc.  
Tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm, trâu, bò, heo.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc pha nước uống.

Ngày 1 lần, liên tục trong 3-5 ngày.

**Trâu, bò, heo, dê, cừu:** 1g/10kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm:** 1g/5kg thể trọng/ngày hoặc 2g/1 lít nước uống.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Lincomycin HCl .....	500 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi *Mycoplasmas* và vi khuẩn Gram (-), Gram (+) như:

**Gia cầm:** Điều trị các bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm phổi do *Mycoplasma*, viêm ruột hoại tử, viêm da.

**Heo:** Điều trị viêm phổi, hồng lỵ trên heo, viêm ruột, viêm khớp nhiễm trùng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, từ 5-7 ngày.

**Heo:** 1g/100 kg thể trọng/ngày, hoặc 1-2g/5 kg thức ăn.

**Gia cầm:** 1-2g/5 lít nước uống.

Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong 24 giờ.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Lincomycin HCl .....	22,2 mg
Spectinomycin sulphate .....	44,4 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

**Heo:** Điều trị viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiêu hoá, nhiễm trùng huyết.

**Gia cầm:** Điều trị bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm khớp, tiêu chảy do *E.coli*, thương hàn, nhiễm trùng huyết.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, từ 3-5 ngày.

**Heo:** 1g/10kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm:** 1g/5kg thể trọng/ngày, hoặc 2g/3 lít nước uống.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Norfloxacin HCl .....	500 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị các bệnh: thó khò khè, chuồng diều, ăn không tiêu, gà rù, tai gà, khô chân, bai liệt, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân nhót, phân sáp,... trên gia cầm.  
Điều trị các bệnh viêm tử cung, viêm vú, viêm phổi, thương hàn, tiêu chảy, kiết ly trên gia súc.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn. Dùng từ 3-5 ngày liên tục.

**Gia cầm:** 1g/5 lít nước uống hoặc 1g/2.5kg thức ăn.

**Gia súc:** 1g/5 kg thức ăn.

Phòng bệnh dùng bằng ½ liều điều trị.

**Lưu ý:** Thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước có pha thuốc nên sử dụng trong 24 giờ.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### AMPI COLI<sup>42</sup>

**Đặc trị E.coli, toi gà, gà rù, phân trắng, phân xanh**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Ampicillin trihydrate ..... 42 mg  
Colistin sulphate ..... 125 000 UI  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu như viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy, sung phù đầu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên gia súc, gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc pha vào nước uống, từ 3-5 ngày liên tiếp.  
**Liệu điều trị:**  
**Gia súc:** 1g/10kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/1lít nước uống hoặc 1g/7kg thể trọng/ngày.

### AMPI COLI<sup>50</sup>

**Đặc trị E.coli, tui gà, gà rù, phân trắng, phân xanh**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Ampicillin trihydrate ..... 500 mg  
Colistin sulfate ..... 2 000 000 UI  
Tá dược vừa đủ ..... 1g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu như viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy, sung phù đầu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc pha vào nước uống, từ 3-5 ngày liên tiếp.  
**Gia súc:** 1g/35-40kg thể trọng, 2 lần/ngày.  
**Gia cầm:** 1,5g/35-40kg thể trọng.

### BERIN-ST

**Đặc trị tiêu chảy, viêm ruột, ăn không tiêu, đầy hơi**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Streptomycin sulfate ..... 15 250 UI  
Berberin clorid ..... 20 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Đặc trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phân có máu, viêm ruột, đầy hơi, ăn không tiêu, tiêu chảy do *E.coli*, thương hàn do *Salmonella*, viêm rốn, nhiễm trùng máu, nhiễm độc thức ăn.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn. Dùng từ 3-5 ngày liên tục.  
**Trị bệnh:**  
**Gia súc:** 10g/25kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 2g/1 lít nước uống hoặc 1g/2kg thể trọng/ngày.  
**Phòng bệnh:** Dùng bằng ½ liều điều trị, dùng liên tục 2-3 ngày/dợt.

### BERIN-ST<sup>10</sup>

**Đặc trị tiêu chảy cấp tính, viêm ruột, ăn không tiêu, E.coli**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 100g

Streptomycin sulphate ..... 3 500 000 IU  
Berberin HCl ..... 1 000 mg

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn tiêu hóa, dạ dày, ruột do *E.coli*, *Salmonella*,... với biểu hiện như: Tiêu chảy cấp tính, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phân có máu, viêm ruột, sinh bụng, đầy hơi, ăn không tiêu...

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

**Trị bệnh:**  
**Gia súc:** 2g/10-15kg thể trọng.  
**Gà, vịt, cút:** 2g/8-10kg thể trọng hoặc 2g/1-2 lít nước uống.  
**Phòng bệnh:** Bằng ½ liều điều trị.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### BỘ VỊT SỐ 01

**Đặc trị khẹc vịt,  
toi vịt, bại vịt, di cánh vịt**



Quy cách: Bộ 3 gói x 100g

**Bộ 3 gói x 100g**

FLUME W.S.P: 100 g  
VIT C - ELECTROLYTE: 100 g  
ADE. B COMPLEX C: 100 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị viêm ruột, viêm ruột hoại tử, tiêu chảy, sưng phù đầu, khẹc vịt, bại vịt, toi vịt, di cánh vịt, ăn không tiêu, chướng hơi, co giật.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục từ 3-5 ngày.

1 bộ dùng cho 100 lít nước uống hoặc 200-250 kg thể trọng.

#### Tương đương:

Vịt từ 1-5 tuần tuổi: 1 bộ/600-700 con/ngày.

Vịt từ 5 tuần tuổi trở lên: 1 bộ/300-350 con/ngày.

### BỘ TRỊ BỆNH ĐẦU ĐEN

**Đặc trị các bệnh đầu đen,  
hô hấp, tiêu hóa**



Quy cách: Bộ 5 gói x 100g

**Bộ 5 gói x 100g**

SORBININ+B12: 100g; NORFLOX: 100g; PARA-C: 100g  
DOXICLIN W.S.P: 100g; SULFAMONOXIN W.S.P: 100g

#### BỆNH TÍCH:

Bệnh tích đầu tiên xảy ra trên manh tràng: viêm loét manh tràng làm cho thành manh tràng dày lên, thỉnh thoảng, những vết loét này ăn mòn thành manh tràng, dẫn đến viêm phúc mạc và các cơ quan nội tạng khác.

Manh tràng chứa chất nhầy màu vàng xanh, màu của máu. Ở giai đoạn sau, tạo thành một lõi cứng màu trắng.

Gan viêm sưng to, trên bề mặt gan có những đốm đỏ thẫm, sau đó biến

thành những ổ hoại tử màu trắng và ăn sâu vào trong mô gan.

#### ĐIỀU TRỊ:

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục từ 4-5 ngày.

**Trị bệnh:** 1 bộ 5 gói pha 100 lít nước uống dùng cho 700-1.000kg thể trọng/ngày.

**Phòng bệnh:** Dùng bằng ½ liều điều trị.

Giữ gìn chuồng trại khô ráo, định kỳ xịt sát trùng chuồng trại và sân vườn, có thể dùng vôi bột rắc trên sân vườn sau khi đã cuốc xới.

### CFOXIN

**Đặc trị hen khẹc, ort, coryza,  
bại huyết, E.coli, thương hàn**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Cefotaxime sodium ..... 200 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, heo, bê, nghé, dê, cừu như:

**Gia cầm:** Hen khẹc, ORT, Coryza, tụ huyết trùng, bại huyết vịt, thương hàn, *E.coli*, viêm ruột hoại tử.

**Gia súc:** Viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi hóa mủ, viêm khí quản-phế quản, phó thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng máu, viêm màng não, viêm tiết niệu, sốt hậu sản, viêm vú, viêm tử cung.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục 3-5 ngày.

**Gia súc:** 1g/40-50kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm:** 1g/20-30 kg thể trọng/ngày hoặc 1g/4-6 lít nước uống.

### COTRIM-F

**Đặc trị cầu trùng máu tươi, phân sáp,  
ký sinh trùng, sưng phù đầu,  
phân xanh, phân trắng**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Sulfamethoxazol ..... 400 mg  
Trimethoprim ..... 80 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị các bệnh đường hô hấp, viêm ruột, tụ huyết trùng, ký sinh trùng, sưng phù đầu (Coryza), cầu trùng, bạch ly, phó thương hàn, tiêu chảy, phân xanh, các dạng bệnh do *E.coli* và *Salmonella* gây ra, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm ruột, viêm buồng trứng trên heo, trâu bò, gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, từ 3-5 ngày.

**Gia cầm:** 1g/10-12kg thể trọng/ngày.

**Heo & gia súc:** 1g/12-16kg thể trọng/ngày.

Lиều phòng bằng ½ liều điều trị.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### DOXYGEN W.S.P

**Đặc trị viêm phổi,  
CRD, coryza**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Doxycycline hyclate ..... 200 mg  
Gentamycin sulfate ..... 200 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do các vi sinh vật nhạy cảm với doxycycline, gentamycin ở bê, cừu, dê, ngựa, heo và gia cầm như: Bệnh tụ huyết trùng, bệnh *collibacilosis*, bệnh sảy thai truyền nhiễm, viêm phổi, viêm phổi địa phương, viêm màng phổi, viêm ruột, nhiễm trùng huyết, CRD, coryza.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống.  
**Gia cầm:** 1g/25kg thể trọng/ngày, hoặc 1g/3 lít nước uống/ngày, từ 3 - 5 ngày.  
**Heo:** 1g/25kg thể trọng/ngày, từ 4-6 ngày.  
**Bé:** 1g/50kg thể trọng/ngày, từ 4-6 ngày.  
Nếu trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

### ENROGIN-200 W.S.P<sup>®</sup>

**Đặc trị tiêu chảy,  
thương hàn, đóng dấu son**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Enrofloxacin HCl ..... 200 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, viêm khớp, đóng dấu lợn và các bệnh gây ra do vi khuẩn như: *E.coli*, *Mycoplasma sp.*, *Haemophilus paragallinarum*, *Salmonella sp.*, *Bordetella bronchiseptica* trên heo và gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn. Dùng từ 3-5 ngày liên tục.  
**Gia súc:** 1g/30-40kg thể trọng/ngày hoặc 1g/5-6 lít nước/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/15-20kg thể trọng/ngày hoặc 1g/3-4 lít nước/ngày.  
**Lưu ý:** Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong 24 giờ.

### ERYCIN<sup>®</sup>

**Đặc trị CRD, CCRD, ORT,  
tụ huyết trùng**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Erythromycin thiocyanate ..... 500 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị bệnh trên đường hô hấp: Hen gà (CRD), hen ghép (CCRD), ORT, khạc ngứa vịt, hen thối mũi. Sung phù đầu (Coryza), viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm gan bàn chân, nhiễm trùng do *E.coli*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn. Dùng liên tục từ 3-5 ngày.  
**Liệu trị:** 1g/22-25 kg thể trọng/ngày hoặc 1g/3-5 lít nước uống.  
**Liệu phòng:** Dùng bằng ½ liều điều trị.

### FLOVET W.S.P<sup>®</sup>

**Đặc trị viêm phổi, tiêu chảy,  
sưng phù đầu, kế phát tai xanh**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Florfenicol ..... 40 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên heo và gia cầm: viêm phổi, viêm phế quản, viêm xoang, viêm màng phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, sảy thai truyền nhiễm, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm ruột-tiêu chảy, các bệnh kế phát bệnh tai xanh, sốt-bó ăn không rõ nguyên nhân, do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3-5 ngày.  
**Heo:** 1g/5-10kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/1lít nước hoặc 1g/0,8-1kg thức ăn.  
Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### FLO-DOXY PREMIX

**Đặc trị thương hàn, viêm phổi, CRD, ORT**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Florfenicol .....	40 mg
Doxycyclin Hyclate .....	40 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Đặc trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp: viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi dính sùn, sưng phù đầu, ho, chảy nước mũi thở khó trên gia súc - gia cầm.

Đặc trị các bệnh tụ huyết trùng, Coryza, ORT, CRD, CCRD, thương hàn, bạch lỵ, hen gà, khạc vịt, bại chén, sụi cánh, chướng diều.

Đặc trị viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phân có nhớt, phân có máu, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc - gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn, liên tục 3-6 ngày.

**Gia súc, heo:** 1g/10kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm:** 1g/5kg thể trọng/ngày.

### FLOCOL 50% W.S.P

**Đặc trị viêm phổi, ORT, tiêu chảy, sưng phù đầu, kế phát tai xanh**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Florfenicol .....	500 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên heo và gia cầm: viêm phổi, viêm phế quản, viêm xoang, viêm màng phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, sảy thai truyền nhiễm, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy sưng phù đầu, viêm ruột - tiêu chảy, các bệnh kế phát, bệnh tai xanh, sót bỏ ăn không rõ nguyên nhân, do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol như: *Mycoplasma*, *Haemophilus*, *Actinomyces*, *Streptococcus*, *Staphylococcus*, *E.coli*, *Salmonella*, *Pasteurella*, *Klebsiella* và *Rickettsia*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3-5 ngày.

**Heo:** 1g/80-100kg thể trọng/ngày.

**Gia cầm:** 1g/45-50kg thể trọng/ngày hoặc 1g/5-6 lít nước uống/ngày.

Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

### FOSTYVET 20

**Đặc trị CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Fosfomycin sodium .....	200 mg
Tylosin tartrate .....	50 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa và hô hấp do vi khuẩn Gram dương, Gram âm và *Mycoplasma* ở gia cầm và lợn.

**Gia cầm:** Điều trị sổ mũi truyền nhiễm (Coryza), CRD, tụ huyết trùng, dịch tả gia cầm và các bệnh nhiễm trùng do *E.coli*, *Salmonella spp.*, *Staphylococcus spp.*, *Streptococcus spp.*, *Listeriosis*, *Pseudomonosis*...

**Lợn:** Điều trị các bệnh nhiễm trùng do *Mycoplasma*, viêm phổi, bệnh lỵ do *Serpulina hyodysenteriae*, viêm ruột tăng sinh (PPE), viêm ruột - tiêu chảy do *E.coli*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha vào nước hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục 3-5 ngày.

**Gia cầm:** 1g/5-8 kg thể trọng; **Lợn:** 1g/14-16 kg thể trọng.

**Phòng bệnh:** Dùng bằng ½ liều điều trị bệnh.

**Lưu ý:** Nên pha thuốc với lượng nước vừa đủ để gia cầm uống hết trong 5-6 giờ vào buổi sáng.

### NYSTATIN

**Đặc trị nấm phổi, nấm ruột, nấm diều, nấm phủ tạng**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Nystatin .....	130 000 UI
Tá dược, CuSO <sub>4</sub> 100mg, cao tỏi, vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Phòng và trị các bệnh do nấm: Bệnh nấm phổi ở gà, vịt, ngan, ngỗng, chim; bệnh nấm miệng, nấm diều. Bệnh viêm phổi cấp tính do thức ăn bị nhiễm nấm *Aspergillus* ở bò, dê non, bê, cừu.

Các trường hợp viêm phổi bởi nấm, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy do dùng kháng sinh phổ rộng.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha nước uống, hoặc trộn vào thức ăn.

**Trị bệnh nấm phổi, nấm phủ tạng:** Dùng từ 3-4 ngày.

**Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim:** 1g/ 2-3kg thể trọng/ngày.

**Lợn, bê, nghé, dê, cừu:** 1g/3-4 kg thể trọng/ngày.

**Trâu, bò:** 1g/10kg thể trọng/ngày.

**Trị nấm miệng, diều, thực quản, dạ dày, ruột:** Dùng ½ liều ở trên, trong 4-6 ngày.

**Phòng bệnh:** Dùng 1/5 liều điều trị, sử dụng thường xuyên tránh được 90% nguy cơ nhiễm các bệnh do nấm gây ra ở gia súc, gia cầm.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### NEO-DOXY W.S.P

**Đặc trị viêm phổi địa phương, CRD, CCRD, viêm phổi dinh sườn, viêm phổi thanh dịch, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy, E.coli**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Doxycycline hyclate .....	100 mg
Neomycin sulfate .....	100 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày-ruột, nhiễm trùng đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với doxycyclin và neomycin như: *Bordetella*, *Campylobacter*, *Chlamydia*, *E.Coli*, *Haemophilus*, *Mycoplasma*, *Pasteurella*, *Rickettsia*, *Salmonella*, *Staphylococcus* và *Streptococcus spp...* ở bê, heo, dê, cừu, gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha vào nước cho uống, từ 3-5 ngày.  
**Trâu, bò, dê & cừu:** 1g/20kg thể trọng/ngày, 2 lần/ngày.  
**Heo:** 1g/10kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/5kg thể trọng/ngày hoặc 1g/1-2 lít nước uống.  
**Phòng ngừa tụ vong ở gà con:** 1g/5-10 lít nước, sử dụng từ 7-10 ngày.

### NEO-OXY W.S.P

**Đặc trị thương hàn, tụ huyết trùng, CRD, gà rù,太极鸡, khô chân, xà cánh**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Neomycin sulfate .....	55 mg
Oxytetracycline HCl .....	55 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

**Gia cầm:** Điều trị viêm đường hô hấp mãn tính (CRD), viêm ruột, tiêu chảy do *E.coli*, thương hàn, bệnh sổ mũi truyền nhiễm, viêm khớp, tụ huyết trùng, nhiễm trùng thứ phát kèm theo viêm phế quản truyền nhiễm, viêm thanh quản, viêm ruột không đặc trưng và viêm xoang mũi truyền nhiễm ở gà tây.  
**Heo:** Điều trị viêm ruột, hồng lý, bệnh thương hàn trên heo con, các bệnh nhiễm trùng hô hấp kết hợp nhiễm trùng đường tiêu hóa.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3-5 ngày.  
**Heo:** 2g/10kg thể trọng, 2 lần/ngày.  
**Gia cầm:** 2g/5kg thể trọng/ngày hoặc 2g/lít nước uống.  
 Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

### OXYVET W.S.P 50

**Đặc trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, LEPTO**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Oxytetracycline HCl .....	500 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu ở bê, heo và gia cầm như: tụ huyết trùng, CRD, viêm phổi, viêm xoang mũi, viêm ruột-tiêu chảy, viêm dạ dày-ruột, bệnh Lepto do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline như: *Mycoplasma*, *E.coli*, *Salmonella*.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3 - 5 ngày.  
**Bé:** 1g/50kg thể trọng/ngày; **Heo:** 1g/25kg thể trọng, 2 lần/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/25kg thể trọng/ngày, hoặc 1-2g/5lít nước uống.  
 Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

### MONOSULTRIM 60

**Đặc trị cầu trùng, ký sinh trùng, đầu đen**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1g

Sulfamonomethoxine sodium .....	500 mg
Trimethoprim .....	100 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

**CÔNG DỤNG:**

Đặc trị cầu trùng mạnh tràng, cầu trùng ruột non, phân nhốt, phân vàng, phân lầy nhầy lẫn máu.  
 Đặc trị bệnh đầu đen, bệnh ký sinh trùng đường máu, bệnh hen sung phù đầu (Coryza).  
 Tiêu diệt được tất cả các giai đoạn của bệnh cầu trùng, ký sinh trùng kể cả noãn nang.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3-5 ngày.  
**Gia cầm:** 1g/20-25 kg thể trọng/ngày hoặc 1g/4-5 lít nước.  
**Gia súc:** 1g/30-35 kg thể trọng/ ngày.  
**Phòng bệnh:** Bằng ½ liều điều trị.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### SUPERCOX W.S.P

**Đặc trị cầu trùng,  
tiêu chảy phân trắng**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### SULFATRIM W.S.P

**Đặc trị cầu trùng,  
ký sinh trùng, tiêu chảy**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### TYLOSIN W.S.P 50%

**Đặc trị viêm phổi, ORT,  
viêm xoang mũi truyền nhiễm**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### TYLODOX W.S.P 10

**Đặc trị CRD, C-CRD, ORT,  
hồng ly, suyễn heo**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Sulfaquinoxaline .....	150 mg
Diaveridine .....	50 mg
Vitamin K3 .....	20 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị bệnh cầu trùng ở gia cầm do *Eimeria*, bệnh tụ huyết trùng do *Pasteurella multocida* và bệnh thương hàn, tiêu chảy phân trắng do *Salmonella* và *E.coli*. Vitamin K3 giúp bảo vệ niêm mạc ruột, chống xuất huyết.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3-5 ngày.  
**Gia cầm:** 1g/1-2lít nước uống hoặc 1-1,4g/kg thức ăn, trong 3 ngày.  
 Ngừng điều trị trong 3 ngày và lặp lại trong 3 ngày, liều bằng ½ liều ban đầu sử dụng.  
**Heo:** 1g/5-7kg thể trọng/ngày; **Gia súc:** 1g/10 kg thể trọng/ngày.  
 Nếu trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Sulfadiazine .....	400 mg
Trimethoprim .....	80 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa và đường sinh dục.  
**Gia cầm:** *Colibacillosis*, thương hàn, viêm ruột, dịch tả gia cầm, *Salmonellosis*, *coryza* và cầu trùng.  
**Bé, lợn:** Bệnh *Colibacillosis*, nhiễm khuẩn *Salmonella*, nhiễm trùng huyết, viêm phế quản, *Haemophilus pleuropneumonitis* (HPP), phức hợp MMA.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 4-6 ngày.  
**Bé, đê, cừu, lợn:** 1g/25-30kg thể trọng/ ngày.  
**Gia cầm:** 1g/10-15kg thể trọng/ ngày hoặc 1g/1,5 - 2,5 lít nước sạch.  
 Liều phòng bằng ½ liều điều trị.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Tylosin tartrate .....	500 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị và phòng ngừa nhiễm khuẩn ở trâu, bò, heo và gia cầm gây ra bởi vi sinh vật nhạy cảm với Tylosin, đặc biệt trên:  
**Gia cầm:** hô hấp mãn tính do *Mycoplasma gallisepticum*, *Mycoplasma synoviae*, viêm ruột mãn tính do *Clostridium perfringens*.  
**Gà tây:** viêm xoang mũi truyền nhiễm do *Mycoplasma gallisepticum*.  
**Gia súc:** viêm phổi do *Mycoplasma spp.*.  
**Heo:** viêm phổi địa phương do *Mycoplasma spp.*, da u tuyến và viêm hồi tràng do *Lawsonia intracellularis*.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước hoặc bột sữa.  
**Gia cầm và gà tây (điều trị viêm ruột hoại tử):** 1g/25kg thể trọng/ngày hoặc 1g/4lít nước uống.  
**Gia cầm và gà tây (điều trị nhiễm trùng hô hấp mãn tính):** 1g/12kg thể trọng/ngày hoặc 1g/1lít nước uống.  
**Trâu, bò:** 1-2g/50kg thể trọng, 2 lần/ngày, dùng liên tục 7-14 ngày.  
**Heo:** 1g/25kg thể trọng/ngày hoặc 1g/2lít nước uống, dùng liên tục 3-10 ngày.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Tylosin tartrate .....	100 mg
Doxycycline hydclate .....	200 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh đường hô hấp và nhiễm trùng đường tiêu hóa như: viêm phổi, tụ huyết trùng, CRD, C-CRD, ORT, suyễn heo, thương hàn, tiêu chảy, hồng ly, *E.coli*, trên bê, heo và gia cầm, do vi sinh vật nhạy cảm với tylosin và doxycycline: *Bordetella*, *Mycoplasma*, *Salmonella*, *Staphylococcus*...

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, trong 3-5 ngày.  
**Bé:** 1g/50kg thể trọng/ngày; **Heo:** 1g/25kg thể trọng/ngày.  
**Gia cầm:** 1g/25kg thể trọng/ngày hoặc 1g/5lít nước uống.  
 Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay.  
 Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### T.T.C KHẸC VỊT

**Đặc trị khò khè,  
khẹc vịt, tiêu chảy vịt**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### TILMI W.S.P

**Đặc trị CRD, ORT, tu huyết trùng,  
sổ mũi truyền nhiễm, MYCOPLASMA,  
nhiễm khuẩn kế phát trong bệnh tai xanh**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### TILMIDOX 05

**Đặc trị nhiễm trùng  
đường hô hấp**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### TIA 50 W.S.P

**Đặc trị CRD,  
viêm phổi, hồng lỵ**



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Tetracyclin HCl ..... 50 mg  
Tylosin tartrate ..... 20 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị khèc vịt, khò khè,toi vịt, thương hàn vịt, viêm ruột tiêu chảy, ăn không tiêu và các bệnh khác trên đường hô hấp và tiêu hóa.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc pha nước uống.  
**Tri bệnh:** 1g/2-3kg thể trọng.  
**Vịt dưới 4 tuần tuổi:** 1g/6-8 con/ngày.  
**Vịt trên 4 tuần tuổi:** 1g/2-3 con/ngày hoặc 1g/1 lít nước uống.  
**Phòng bệnh:** 1g/4-6 kg thể trọng.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Tilmicosin phosphate ..... 200 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp như: viêm phổi địa phương, viêm phổi dinh suôn, viêm phổi đa thanh dịch, tu huyết trùng trên bê, heo, thỏ và bệnh CRD, CCRD trên gia cầm do vi sinh vật nhạy cảm với Tilmicosin như: *Mycoplasma spp.*, *Pasteurella multocida*, *Actinobacillus pleuropneumoniae*, *Actinomyces pyogenes* và *Mannheimia haemolytica*.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống, liên tục từ 5-7 ngày.  
**Heo:** 1g/15kg thể trọng/ngày hoặc 1g/1-2kg thức ăn.  
**Gia cầm:** 1g/10kg thể trọng/ngày hoặc 1g/1-2 lít nước uống.  
**Thỏ:** 1g/17kg thể trọng/ngày.  
Nếu thuốc đã trộn với thức ăn nên dùng ngay. Nước uống có pha thuốc nên được sử dụng trong vòng 24 giờ.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Doxycycline hyclate ..... 50 mg  
Tilmicosin phosphat ..... 50 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Đặc trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và vi sinh vật nhạy cảm với doxycyclin và tilmicosin trên gia súc, gia cầm như: *Mycoplasma spp.*, *Pasteurella multocida*, *Mannheimia haemolytica*, *Actinomyces pyogenes*, *Chlamydia*, *Pasteurella*, *Ornithobacterium rhotracheale*, *Clostridium spp.*....

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc nước uống, sử dụng liên tục 5-7 ngày  
**Gia cầm:** 1g/3-4kg thể trọng/ngày, hoặc 1g/0,5-1lít nước hoặc 1-2g/1kg thức ăn.  
**Heo:** 1g/4-5kg thể trọng/ngày hoặc 1g/1kg thức ăn.

#### THÀNH PHẦN: Trong 1g

Tiamulin hydrogen fumarate ..... 500 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

**Gia cầm:** Điều trị và phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng hô hấp do *Mycoplasma (M.gallisepticum và M.synoviae ở gà và M.maleagridis ở gà tây)* gây ra và phức tạp với các vi khuẩn nhạy cảm khác như *E.coli*, *Haemophilus gallisepticum*, *Pasteurella*, enz...  
**Heo:** Điều trị các bệnh đường hô hấp do nhiễm *Mycoplasma* (viêm phổi địa phương, bệnh hô hấp mãn tính).  
Kết hợp với tetracyclines chống lại các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp nguyên phát (*A.pleuropneumoniae*, *B.bronchiseptica*) và thứ phát (*P.multocida*).

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn hoặc hòa vào nước uống.  
**Gia cầm:** 1g/10-20kg thể trọng/ngày hoặc 1g/2 lít nước uống, dùng từ 3-5 ngày.  
Liều phòng bằng ½ liều điều trị.  
**Lợn:** 1,5-4g/100kg thể trọng/ngày.  
**Kiết ly, nhiễm trùng tiết niệu:** 12g/100 lít nước uống, dùng từ 7-10 ngày.  
Viêm màng phổi (do *Actinobacillus pneumonia*): 24g /100 lít nước uống, dùng trong 5 ngày.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### PARA-C 05

Hạ sốt nhanh, giảm đau, tăng sức đề kháng



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### VV-LEVASOL

THUỐC TẨY GIUN



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### VV-CHYMOSIN

Tiêu viêm, giảm phù nề - sưng đau, thủy phân protein



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

### VERMECTIN (PREMIX)

Đặc trị nội ngoại ký sinh trùng



Quy cách: 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Paracetamol ..... 50 mg  
Vitamin C ..... 50 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị cảm cúm, hạ sốt nhanh, tăng sức đề kháng, phối hợp với kháng sinh điều trị các bệnh truyền nhiễm.  
Giảm nhiệt nhanh, giảm stress khi nuôi mật độ cao và thời tiết nắng nóng, chuyển chuồng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3-5 ngày.

**Gia súc:** 1g/5kg thể trọng hoặc 1g/1kg thức ăn.

**Gà, vịt, cút:** 1g/1lít nước hoặc 1g/0,5kg thức ăn.

**Phòng bệnh:** Bằng ½ liều điều trị.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Levamisole HCl ..... 100 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị nhiễm giun đường tiêu hóa và phổi.  
**Heo:** Giun dưa, giun xoắn, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc.  
**Trâu, bò, dê, cừu:** Giun dưa, giun xoắn, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc.  
**Gia cầm:** Các loại giun tròn đường ruột, giun mắt.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Dùng 1 liều duy nhất, trộn đều thuốc trong 1 lít thức ăn hoặc pha vào nước uống.

**Heo, trâu, bò, dê, cừu:** 2g/15kg thể trọng.

**Gia cầm:** 1g/5kg thể trọng.

**Lưu ý:**

Heo, gia cầm 2 tháng xổ 1 lần; Trâu, bò, dê, cừu 6 tháng xổ 1 lần.

Không dùng thuốc cho thú đang trong thời gian mắc bệnh hay dưỡng bệnh lúi mổ thiến, tiêm phòng.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

α-Chymotrypsin ..... 4 mg  
Trypsin ..... 1 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Kết hợp điều trị viêm và phù mô trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo, gia cầm. Tan máu bầm, giảm viêm, giảm phù nề sau phẫu thuật. Nhờ tác dụng thủy phân protein của fibrin và casein, làm mất đi nỗi khu trú của mầm bệnh, giúp tăng hiệu quả sử dụng kháng sinh đối với vi khuẩn, giúp làm lỏng và giảm bài tiết các dịch đường hô hấp trong các bệnh: hen, viêm phế quản, viêm phổi, viêm xoang mũi, Coryza, CRD, CCRD, ORT.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước cho uống: 1g/5-10 kg thể trọng.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1g

Ivermectin ..... 6 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Điều trị nội ngoại ký sinh trùng: giun dưa (*Ascaris suum*), giun xoắn dạ dày (*Hyostrongylus rubidus*), giun chỉ (*Oesophagostomum spp*), giun lươn (*Strongyloides ransomi*), giun phổi (*Metastrengylus spp*), rận, cái ghé,... Dùng cho lợn nái mang thai trước khi sinh để ngừa nhiễm giun từ mẹ sang lợn con qua đường sữa.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn, dùng liên tục 7 ngày.

**Lợn:** 1g/60kg thể trọng.

**Lưu ý:**

**Lợn có trọng lượng dưới 40 kg:** Trộn 1g/3kg thức ăn (tối thiểu 50g thức ăn/1kg thể trọng).

**Lợn có trọng lượng từ 40-100 kg:** Trộn 1g/2,5kg thức ăn (tối thiểu 42g thức ăn/1 kg thể trọng).

**Lợn nái:** điều trị 7-14 ngày trước khi đẻ.

**Lợn hậu bì:** 7-14 ngày trước khi cho phối giống lần đầu.

**Lợn nọc:** định kì 2 lần/1 năm.

# Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

## SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

### AMINOVIT PLUS P<sup>NEW</sup>

Tăng sức đề kháng, chống còi, kích thích tăng trọng



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

### AMINO PHOSPHORIC ACID

Giải độc gan thận cấp, phục hồi chức năng gan thận, tăng miễn dịch, thiếu hụt vitamin, acid amin



Quy cách: 50g, 100g, 500g, 1kg

### BETA - GLUCAN 50

Hỗ trợ giải độc gan, giúp gia tăng miễn dịch, phòng bệnh và tăng năng suất, giải pháp tối ưu cho sức khỏe vật nuôi



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Vitamin A (min) .....	2.500.000 UI	Axit folic (min) .....	250 mg
Vitamin D3 (min) .....	500.000 UI	Axit nicotinic (min) .....	10.000 mg
Vitamin E (min) .....	3.500 UI	Vitamin C (min) .....	5.000 mg
Methionin (min) .....	50 mg	Acid pantothenic (min) .....	9.500 mg
Lysin (min) .....	2.500 mg	Biotin (min) .....	50 mg
		Cholin chloride (min) .....	10 mg
		Acid amin (min) .....	5.000 mg
		(Arginine, Valin, Leucin, Isoleucin, Threonin, Phenylalanin, Tryptophan, Histidin, Cystein, Tyrosine, Glycine).	
		(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).	

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung vitamin, axit amin cho gia súc, gia cầm. Hỗ trợ hấp thu thức ăn, giảm hé số FCR, tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng, ít bệnh; Phòng chống stress, còi cọc, châm lớn. Sử dụng sau khi điều trị cầu trùng, nhiễm giun, vi khuẩn, virut.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn

**Liều dùng chung cho gia súc, gia cầm:** 1g/1lít nước uống hoặc 1-2g/kg thức ăn.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

Ethanol β Amino phosphoric acid (min) .....	100 mg
Inositol (min)* .....	25 mg
Sorbitol (min)* .....	75 mg
Nucleotide (min) .....	100 mg
Vitamin B <sub>12</sub> (min) .....	30 µg
Vitamin B <sub>3</sub> (min) .....	5 mg
Vitamin C (min) .....	50 mg
Selenium (min-max)* .....	200 - 300 µg

#### CÔNG DỤNG:

Điều hòa chức năng gan, chức năng tiết mật. Gia tăng hệ miễn dịch, hạn chế một số bệnh do virus đặc biệt là bệnh viêm gan hoại tử, tụy cấp tính. Giải độc gan, phục hồi chức năng gan, giúp tái tạo tế bào gan. Tăng khả năng tiêu hóa thức ăn, tăng trưởng nhanh.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước hoặc trộn vào thức ăn, liên tục 3-5 ngày.

**Liều:** 1g/10-15kg thể trọng, 1g/1kg thức ăn hoặc 1g/1-2 lít nước.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

1.3 - 1.6 Beta-Glucan (min) .....	1 x 10 <sup>7</sup> CFU
α-Amylase (min) .....	10 000 IU
Protease (min) .....	400 IU
Sorbitol (min) .....	100 000 mg
Selenium (min - max) .....	82 - 100 mg
Chất mang (Glucose) vừa đủ .....	1 kg
<b>* Các chất khác:</b>	
<i>Bacillus spp</i> (min) .....	1 x 10 <sup>7</sup> CFU

#### CÔNG DỤNG:

- Hỗ trợ phòng chống stress, kích thích tiêu hóa, tăng khả năng giải độc, tăng năng suất chăn nuôi.

- Tăng cường hệ miễn dịch, dùng phối hợp với thuốc kháng sinh trong điều trị bệnh.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**\* Trường hợp hỗ trợ chống stress, kích thích tiêu hóa, tăng trọng, dùng liên tục 5-7 ngày:**

**Heo:** 1g/ 5 lít nước uống hoặc 100g/ 250kg thức ăn, mỗi tháng dùng 1-2 đợt.

• **Riêng đối với heo nái:** Dùng trước khi sinh và trong suốt thời gian cho con bú.

• **Heo con:** Dùng sau khi sinh được 1 tuần, liên tục đến khi cai sữa.

**Gia cầm:** 1g/3-5 lít nước uống hoặc 100g/ 150-200kg thức ăn, mỗi tháng dùng 1-2 đợt.

**\* Trường hợp phối hợp kháng sinh, dùng trong mùa dịch, liên tục 7-10 ngày:**

**Heo:** 1g/3 lít nước uống hoặc 100g/ 150kg thức ăn.

**Gia cầm:** 1g/2-2 lít nước uống hoặc 100g/ 70-100kg thức ăn.

# Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

## AMINOVIT PLUS

Tăng sức đề kháng, chống còi, kích thích tăng trọng



Quy cách: 1 lít, 5 lít

## CALCI PLUS

Tăng trọng nhanh, cứng xương, chắc móng, trứng to, vỏ dày



Quy cách: 1 lít

## METISOL

Bổ gan, giải độc, kích thích tiêu hóa



Quy cách: 1 lít

## SELEN PLUS

Tăng suất sinh sản, dẻ sỏi, dẻ khỏe, tinh khỏe, tăng đậu phôi, tăng miễn dịch, cải thiện lòng đỏ trứng



Quy cách: 1 lít

### THÀNH PHẦN:

Trong 1 lít

#### \* Các thành phần chính:

Vitamin A (min) .....	25 000 000 UI	Acid pantothenic (min) .....	9 000 mg
Vitamin D3 (min) .....	2 250 000 UI	Axit folic (min) .....	250 mg
Vitamin E (min) .....	10 000 UI	Biotin (min) .....	50 mg
Vitamin B1 (min) .....	1 500 mg	Cholin (min) .....	28 000 mg
Vitamin B2 (min) .....	4 500 mg	Methionin (min) .....	200 000 mg
Vitamin K3 (min) .....	4 500 mg	Valin (min) .....	22 000 mg
Vitamin B3 (min) .....	22 000 mg	Leucin (min) .....	12 000 mg
Lysin (min) .....	50 000 mg	Isoleucin (min) .....	8 000 mg
Arginine (min) .....	10 000 mg	Threonin (min) .....	2 000 mg
Vitamin B6 (min) .....	2 500 mg	Phenylalanin (min) .....	10 000 mg
Vitamin B12 (min) .....	10 mg	Tryptophan (min) .....	6 000 mg
Vitamin C (min) .....	250 mg	Histidin (min) .....	6 000 mg

#### \* Các thành phần khác:

Vitamin B5 (min) .....	2 500 mg	Chất nhũ hóa (Tween 80), chất mang (nước tinh khiết) vừa đủ .....	1 lít
------------------------	----------	---	-------

### CÔNG DỤNG:

Bổ sung vitamin, axit amin cho gia súc, gia cầm. Giúp vật nuôi tăng khả năng hấp thu thức ăn, tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng, ít bệnh; hỗ trợ phòng chống stress, còi cọc, chậm lớn.

### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Liều dùng chung cho gia súc, gia cầm: 1-2ml/ 4 lít nước uống.

### THÀNH PHẦN:

Trong 1 lít

#### \* Các thành phần chính:

Canxi (min - max) .....	..... 72 000 - 88 000 mg	Mangan (Mn) (min - max) .....	..... 3 330 - 4 070 mg
-------------------------	--------------------------	-------------------------------	------------------------

#### \* Các thành phần khác:

Kẽm (Zn) (min - max) .....	..... 4 230 - 5 170 mg	Chất tạo màu (Lissamine green), Chất mang (Nước tinh khiết) vừa đủ .....	..... 1 lít
Magie (Mg) (min - max) .....	..... 15 300 - 18 700 mg	(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).	

### CÔNG DỤNG:

Bổ sung khoáng chất cho gia súc, gia cầm. Giúp vật nuôi chắc xương, hỗ trợ phòng chống còi cọc, tăng chất lượng vỏ trứng. Đặc biệt hỗ trợ phòng chống thiếu hụt khoáng chất cho thú mang thai và gia cầm đẻ trứng.

### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Liều dùng chung cho gia súc, gia cầm: 1ml/ 5kg thể trọng hoặc 1ml/ 1 lít nước uống.

### THÀNH PHẦN:

Trong 1 lít

#### \* Các thành phần chính:

Sorbitol (min) .....	200 000 mg	Chất tạo màu (Tartrazine), chất mang (nước tinh khiết) vừa đủ .....	..... 1 lít
----------------------	------------	---	-------------

#### \* Các thành phần khác:

Cholin (min) .....	14 000 mg	(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).	
Magie (min - max) ...	1 800 - 2 200 mg		

### CÔNG DỤNG:

Giúp vật nuôi giải độc gan, hỗ trợ men gan, tăng sức đề kháng, tăng trưởng nhanh, hấp thu dưỡng chất tốt, thú mau lớn, hồng da, mượt lông, tăng cân, tăng sản lượng trứng.

### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Liều dùng chung cho gia súc, gia cầm: 1ml/ 1 lít nước uống.

### THÀNH PHẦN:

Trong 1 lít

#### \* Chất chính:

Vitamin E (min) .....	65 000 mg	màu (Canthaxanthin), Chất mang (Nước tinh khiết) vừa đủ .....	..... 1 lít
Selen (min-max) .....	360-540 mg	Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm.	

### CÔNG DỤNG:

Nâng cao khả năng sinh sản, tăng sản lượng trứng sữa, cải thiện chất lượng lòng đỏ trứng. Cải thiện hệ miễn dịch, cải thiện trao đổi chất, chống oxy hóa, ngăn chặn sự hình thành các gốc tự do, giảm tổn thương tế bào. Bổ sung vitamin E; bệnh thiếu vitamin E gây ra bệnh nhược cơ, trắng cơ, chậm động dục. Tăng hoạt động của tinh trùng, tinh khỏe, tăng tỷ lệ đậu phôi, tăng khả năng ấp nở, tăng tỷ lệ sống ở con non.

### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước uống.

**Gia cầm, heo:** 1ml / 2-3 lít nước uống.

**Bò, dê, cừu:** 1ml / 1 lít nước uống.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### ADE. B COMPLEX C

Tăng sức đề kháng,  
võ béo, tăng sản lượng thịt,  
trứng, sữa



Quy cách: 50g, 100g, 500g, 1kg

### BIOZYME

Men tiêu hóa chịu kháng sinh,  
chịu acid dạ dày, ngừa tiêu chảy,  
phản ứng, tăng khả năng tiêu hóa,  
tăng trọng nhanh



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

### BIOTIN PLUS

Hỗ trợ phòng ngừa yếu chân,  
bại liệt, bảo vệ da, lông, móng



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

### CALCIUM PHOSPHORUS

Tăng cường đề kháng,  
tăng năng suất cho vật nuôi



Quy cách:  
100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Vitamin A (min) ..... 100 000 UI  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 5 000 UI  
Vitamin E (min) ..... 50 UI  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 1 000 mg  
Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 500 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 600 mg

#### \*Các thành phần khác:

Vitamin B<sub>5</sub> (min) ..... 2 000 mg  
Vitamin PP (min) ..... 1 000 mg  
Vitamin C (min) ..... 1 000 mg  
Chất tạo màu (Tartrazine) Chất mang  
(Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và  
chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung Vitamin cho gia súc, gia cầm. Giúp giảm còi cọc, giảm tỷ lệ xương, tăng sức kháng bệnh, võ béo gia súc, gia cầm trong giai đoạn trước khi xuất chuồng hoặc trước khi đẻ trứng. Giúp tăng sản lượng và chất lượng thịt, trứng, sữa.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.  
**Gia súc:** 1g/1 lít nước uống hoặc 100g/20 kg thức ăn.  
**Gia cầm:** 2g/1 lít nước uống hoặc 100g/10 kg thức ăn.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

*Bacillus* spp (min) ..... 10<sup>9</sup> CFU  
Lysin (min) ..... 2 500 mg  
Methionin (min) ..... 5 000 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 100 mg  
Zn (min - max) ..... 1 816 - 2 220 mg

#### \*Các thành phần khác:

*Lactobacillus* spp (min) ..... 10<sup>9</sup> CFU  
*Saccharomyces* spp (min) ..... 10<sup>9</sup> CFU

Natri (min - max) ..... 10 583 - 12 934 mg

Kali (min - max) ..... 1 178 - 1 440 mg

Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 50 mg

Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 50 mg

Cholin (min) ..... 725,6 mg

Chất mang (Bột trấu, Glucose) vừa đủ ..... 1 kg

(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung vi sinh vật có lợi cho trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt, ngan, chim, cút giúp vật nuôi:  
- Ổn định hệ vi sinh vật đường ruột, kích thích thèm ăn, tránh hiện tượng rối loạn tiêu hóa.  
- Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, làm giảm chi phí tiêu tốn thức ăn.  
- Nâng cao khả năng tăng trọng đối với thú nuôi thịt.  
- Làm giảm mùi hôi chuồng trại.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn.  
**Liều chung cho gia súc, gia cầm:** 1g/2 lít nước uống hoặc trộn 1kg/tấn thức ăn, cho ăn liên tục.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Biotin (min) ..... 4 mg  
Fe (min-max) ..... 16 578 - 20 263 mg  
Zn (min-max) ..... 14 534 - 17 764 mg  
Mn (min-max) ..... 1 248 - 1 525 mg

#### \*Các thành phần khác:

Cu (min-max) ..... 1 350 - 1 650 mg

Ca (min-max) ..... 8 244 - 10 076 mg

Se (min-max) ..... 2,8 - 3,5 mg

Co (min-max) ..... 15,4 - 18,8 mg

Chất mang (Bột trấu, Glucose) vừa đủ ..... 1 kg

(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

- Bổ sung vitamin, khoáng chất cần thiết cho gia súc, gia cầm giúp vật nuôi cứng xương, ngừa nứt móng, yếu chân, phòng ngừa bại liệt sau khi sinh.  
- Giảm hiện tượng cắn mõ.  
- Hồng da, muot lông, thu tăng trưởng nhanh, sinh sản tốt.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn.  
- **Heo nái, heo nạc:** 100g/50kg thức ăn.  
- **Heo con:** 100g/40kg thức ăn.  
- **Heo lùa, heo thịt:** 100g/60kg thức ăn. Nén bổ sung thường xuyên vào thức ăn.  
- **Gia cầm:** 100g/40 kg thức ăn hoặc 100 lít nước uống.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Canxi (min - max) ... 37 800 - 46 200 mg  
Phospho (min - max) ..... 13 500 - 16 500 mg  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 400 000 mg

#### \*Các thành phần khác:

Vitamin B<sub>12</sub> (min) ..... 10 mg  
Vitamin C (min) ..... 6.000 mg  
Acid citric (min) ..... 270.000 mg  
Chất mang vừa đủ ..... 1 kg

#### CÔNG DỤNG:

Cung cấp Vitamin, hỗ trợ phòng và trị bệnh thiếu canxi và phospho trên gia súc, gia cầm.  
Cần thiết cho sự hình thành xương, sản xuất trứng, truyền dẫn thần kinh, hoạt động cơ bắp và hình thành máu.  
Phospho cần thiết cho sự hấp thụ canxi, duy trì sự cân bằng acid - base.  
Vitamin C tăng cường sức đề kháng, giảm Stress, duy trì sự trao đổi collagen.  
Vitamin B<sub>12</sub> cần thiết cho sự phân chia tế bào và hình thành máu.  
Vitamin D<sub>3</sub> cần thiết cho sự hấp thụ canxi - phospho, phát triển xương và sản xuất trứng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn.  
**Gia cầm:** 1g/1 kg thức ăn.  
**Gia súc:** 10 - 50g/con/ngày.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### ĐIỆN GIẢI-CHỐNG NÓNG

Bù điện giải, hỗ trợ chống nóng, chống rét, phòng chống stress



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

Vitamin B1 (min) .....	100 mg	DL-Methionin (min)* .....	150 mg
Vitamin B2 (min) .....	20 mg	Natri (min-max)* .....	18.924 - 23.129 mg
Vitamin B6 (min) .....	60 mg	Kali (min-max)* .....	4.711 - 5.758 mg
Vitamin K3 (min)* .....	3.000 mg	Canxi (min-max)* .....	29,28 - 35,78 mg
Vitamin C (min)* .....	25.000 mg	(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).	
L-Lysin (min)* .....	200 mg		

#### CÔNG DỤNG:

Bù điện giải, hỗ trợ chống nóng, chống rét, phòng chống stress, cung cấp các vitamin, acid amin thiết yếu và các chất điện giải giúp tăng cường khả năng chống chịu bệnh tật.

Tiêu hóa tốt, tăng khả năng hấp thu thức ăn.

Hỗ trợ phòng chống stress do ngoại cảnh, chủng vacxin phòng bệnh, tiêu chảy mất nước lâu ngày, vận chuyển và chuyển đàn, cần thiết với gia cầm non giai đoạn úm, tăng sức đề kháng.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Hòa vào nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**Lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng:** 1-3g/lít nước uống trong 3 ngày, hoặc 100g/40kg thức ăn.

### ELECTROLYTE

Bổ sung chất điện giải tan trong nước



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Natri (min - max) .....	190 000 - 232 000 mg
Kali (min - max) .....	23 600 - 28 800 mg
Chất mang (Glucose) vừa đủ .....	1 kg (Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung chất điện giải, bù nước cho gia súc, gia cầm khi bị sốt cao, tiêu chảy, trời nóng, giúp vật nuôi nhanh hồi phục; phòng chống stress do tiêm phòng, vận chuyển, thay đổi khẩu phần ăn.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**Liều chung cho gia súc, gia cầm:** 1-2 g/lít nước uống hoặc 4 - 5 g/kg thức ăn.

### FEED-MIX

Hỗ trợ phòng ngừa bệnh đường tiêu hóa, chống còi, mau lớn



Quy cách: 1kg, 10kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Vitamin A (min) .....	250 000 UI	Vitamin B3 (min) .....	200 mg
1,3-1,6 Beta-glucan (min) .....	2 500 mg	Saccharomyces spp (min) .....	10 <sup>6</sup> CFU
Vitamin D <sub>3</sub> (min) .....	30 000 UI	Bacillus spp (min) .....	10 <sup>6</sup> CFU
Vitamin E (min) .....	100 mg	Zn (min-max) .....	300 - 400 mg
Lysine (min) .....	3 000 mg	Fe (min-max) .....	130 - 170 mg
Methionine (min) .....	1 500 mg	Cu (min-max) .....	35 - 45 mg
		Chất mang (Glucose, bột đà, bột mì, bột trấu) vừa đủ .....	1kg

#### \*Các thành phần khác:

Vitamin B1 (min) .....	100 mg
Vitamin B2 (min) .....	40 mg
Vitamin B6 (min) .....	100 mg

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung vi sinh vật có lợi, Vitamin, acid amin, khoáng chất cho gia súc, gia cầm. Giúp ngăn ngừa các rối loạn tiêu hóa, phục hồi chức năng tiêu hóa, hỗ trợ phòng ngừa tiêu chảy. Mau lớn, hồng da, muộn lồng, ngăn ngừa còi cọc.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Trộn vào thức ăn.

Vật nuôi còi cọc

**Heo, dê, cừu:** 200-300g/con/ngày; Gia cầm: 200-300g/ 1kg thức ăn.

Ngân ngứa còi cọc

**Heo, dê, cừu:** 1kg/ 50-100kg thức ăn hoặc 1kg/ 50-100 kg thể trọng

**Gia cầm:** 1kg/ 10kg thức ăn.

### GLUCO K+C

Giải nhiệt, giải độc, hỗ trợ phòng ngừa xuất huyết



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \*Các thành phần chính:

Vitamin K3 (min) .....	2 000 mg
Vitamin C (min) .....	25 000 mg
Chất tạo màu (Tartrazine) Chất mang (Glucose) vừa đủ .....	1 kg (Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

Cung cấp vitamin K<sub>3</sub>, vitamin C cho gia súc, gia cầm giúp giữ vững thành mạch, cầm máu, giải độc, chống nóng, giảm Stress, tăng sức đề kháng cơ thể vật nuôi.

Giúp vật nuôi nâng cao thể trạng, nhanh phục hồi sức khỏe khi bị bệnh hoặc sau khi dùng kháng sinh dài ngày.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**Gia súc:** 1g/ 1 lít nước hoặc 1g/10kg thể trọng.

**Gia cầm:** 1-2g/lít nước hoặc 1g/5kg thể trọng.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### HEMATOVIT

Xổ phèn, giải độc, mát gan,  
bảo vệ chức năng gan



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

### LACTOZYM

Bổ sung men tiêu hóa sống,  
hỗ trợ ngăn ngừa tiêu chảy, phân sống,  
giảm mùi hôi chuồng trại



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

### MEVITA B

Kích thích ăn ngon,  
ăn khỏe, tăng trọng nhanh



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

### METHINERAL

Tăng trọng nhanh,  
cứng xương, chắc móng



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

**\*Các thành phần chính:**

Sorbitol (min) ..... 300 000 mg  
Methionine (min) ..... 20 000 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 5 000 mg  
Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 2 000 mg  
**\*Các thành phần khác:**  
Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 1 500 mg  
Vitamin B<sub>5</sub> (min) ..... 2 500 mg  
Vitamin B<sub>12</sub> (min) ..... 5 000 µg  
Vitamin A (min) ..... 3 000 000 UI  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 600 000 UI  
Vitamin E (min) ..... 500 UI  
Lysine (min) ..... 1 000 mg  
Chất tạo màu (Ponceau 4R), Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

**CÔNG DỤNG:**

Bổ sung acid amin, vitamin cho gia súc, gia cầm, giúp tăng cường chức năng giải độc, mát gan, xổ phèn, hỗ trợ phòng chống ngộ độc thức ăn. Giúp hồi phục nhanh sau thời gian điều trị bằng kháng sinh.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Cho uống liên tục.  
**Gia súc:** 1g/ 4 lít nước uống.  
**Gia cầm:** 1g/ 2 lít nước uống.

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

**\*Các thành phần chính:**

Lactobacillus spp ..... 10 x 10<sup>9</sup> CFU  
Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

**CÔNG DỤNG:**

Bổ sung vi khuẩn có lợi Lactobacillus cho gia súc, gia cầm. Giúp cân bằng hệ tiêu hóa; hỗ trợ ngăn ngừa rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, phân sống, giảm tiêu tốn thức ăn, tăng trọng nhanh. Giúp thú nhanh hồi phục đường tiêu hóa sau khi dùng kháng sinh.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn.  
**Pha nước:** 1g/ lít nước.  
**Trộn thức ăn:** 1g/ kg thức ăn.  
Dùng liên tục trong suốt quá trình nuôi.

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

DL-Methionin\* ..... 3 000 mg  
Cystein\* ..... 2 000 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> (min)\* ..... 1 000 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> (min)\* ..... 100 mg  
Vitamin B<sub>6</sub> (min)\* ..... 20 mg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

**CÔNG DỤNG:**

Bổ sung Vitamin, axit amin, giúp gia súc, gia cầm ăn nhiều, mau lớn, khỏe mạnh. Tăng sản lượng và chất lượng trứng, thịt.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.  
**Liều dùng chung:** 5g/3 lít nước uống hoặc 5g/3 kg thức ăn, cho ăn liên tục trong quá trình nuôi.

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

**\*Các thành phần chính:**

Methionin (min) ..... 280 000 mg  
Fe (min - max) ..... 11 600 - 14 180 mg  
Zn (min - max) ..... 14 530 - 17 760 mg  
Co (min - max) ..... 90 - 110 mg  
Se (min - max) ..... 180 - 220 mg  
Cr (min - max) ..... 117 - 143 mg  
Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

**CÔNG DỤNG:**

Bổ sung axit amin, khoáng chất cho gia súc, gia cầm. Giúp vật nuôi cứng xương, chắc móng, hỗ trợ phòng ngừa bại liệt, yếu chân sau khi sinh; thú non nhanh bắt kịp đà tăng trưởng.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Trộn vào thức ăn.  
**Liều chung cho gia súc và gia cầm:** 1 kg trộn với 100 kg thức ăn.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### SUPER EGG

Lòng đỏ to, vỏ trứng dày,  
siêu tăng trứng cho gia cầm đẻ,  
tăng tỷ lệ ấp nở



Quy cách: 100g, 500g, 1kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

\*Các thành phần chính:

Vitamin A (min) ..... 5 500 000 UI  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 2 000 000 UI  
Vitamin E (min) ..... 1 000 mg  
Methionin (min) ..... 10 000 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 10 00 mg

\*Các thành phần khác:

Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 3 000 mg  
Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 2 000 mg  
Vitamin C (min) ..... 12 000 mg  
Chất tạo màu (Tartrazine) Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

**CÔNG DỤNG:**

Bổ sung vitamin, acid amin, giúp tăng khả năng hấp thu thức ăn, tăng sản lượng trứng, lòng đỏ to, vỏ trứng dày, tăng tỷ lệ ấp nở trên gia cầm.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**Liều dùng chung cho gia cầm:** 5g/3 lít nước uống hoặc 5g/3 kg thức ăn, cho ăn liên tục trong quá trình nuôi.

### SORBIVIT

Bổ thận, mát gan,  
giải độc, kích thích tiêu hóa,  
tăng sức đề kháng



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

\*Các thành phần chính:

Sorbitol (min) ..... 50 000 mg  
Methionine (min) ..... 2 500 mg  
Lysin (min) ..... 850 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 800 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 200 mg  
\*Các thành phần khác:

Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 250 mg  
Vitamin B<sub>12</sub> (min) ..... 6.500 µg  
Biotin (min) ..... 300 mg  
Vitamin K<sub>3</sub> (min) ..... 500 mg  
Cholin (min) ..... 140 mg  
Natri (min - max) ..... 12 600 - 15 400 mg  
Kali (min - max) ..... 4 000 - 5 000 mg  
Chất tạo màu (Ponceau 4R) Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

**CÔNG DỤNG:**

Bổ thận, mát gan, giải độc, kích thích tiêu hóa, tăng sức đề kháng, giảm stress do thay đổi thời tiết, chuyển đàn, chủng vắcxin, khi dùng kháng sinh lâu ngày.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**Gia cầm:** 1 g /1-2 lít nước uống/ngày hoặc 100 g /60 kg thức ăn, dùng liên tục 3-5 ngày.

**Gia súc:** 1 g/2-4 lít nước uống/ngày hoặc 1g/1kg thức ăn, tương đương 1g/10-15kg thể trọng/ngày.

### SUPER WAY

Tăng khả năng hấp thu thức ăn,  
tăng trọng nhanh, tăng tỷ lệ ấp nở



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

\* Các thành phần chính:

Methionin (min) ..... 16 000 mg  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 15 000 mg  
Zn (min - max) ..... 1 620 - 1 980 mg  
Fe (min - max) ..... 1 620 - 1 980 mg  
Mg (min - max) ..... 1 530 - 1 870 mg

\* Các thành phần khác:

Bacillus spp (min) ..... 10 x 10<sup>9</sup> CFU  
Lactobacillus spp (min) .... 10 x 10<sup>6</sup> CFU  
Kali (min - max) ..... 61 248 - 74 859 mg  
Natri (min - max) .... 77 846 - 95 145 mg  
Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg

**CÔNG DỤNG:**

Thức ăn bổ sung vi sinh, axit amin, vitamin, khoáng chất cho gia súc gia cầm. Giúp vật nuôi ăn ngon, mau lớn, khỏe mạnh.

Tăng chất lượng, sản lượng trứng, thịt, sữa, tăng tỷ lệ ấp nở.

Tăng khả năng hấp thu thức ăn, tăng sức đề kháng khi thời tiết thay đổi hoặc trong mùa dịch.

Cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột, giúp thú nhanh hồi phục sau khi điều trị bằng kháng sinh.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha nước uống hoặc trộn vào thức ăn, dùng liên tục trong suốt quá trình nuôi.

**Gia súc:** 1kg/100kg thức ăn.

**Gia cầm:** 2g/ 1lit nước uống.

### SUPERVIT

Tăng khả năng hấp thu thức ăn,  
tăng trọng nhanh, phòng chống  
còi cọc, chậm lớn



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

**THÀNH PHẦN:**  
Trong 1kg

\* Các thành phần chính:

Vitamin A (min) ..... 6 000 000 UI  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 1 000 000 UI  
Vitamin E (min) ..... 500 UI  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 500 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 2 500 mg  
Vitamin B<sub>3</sub> (min) ..... 1 600 mg  
Vitamin B<sub>5</sub> (min) ..... 1 600 mg  
K (min - max) ..... 23 557 - 28 792 mg  
Zn (min - max) ..... 1 635 - 1 998 mg

\* Các thành phần khác:

Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 500 mg  
Vitamin B<sub>12</sub> (min) ..... 1 600 µg  
Vitamin C (min) ..... 300 mg  
Vitamin K<sub>3</sub> (min) ..... 750 mg  
Na (min - max) ..... 17 692 - 21 624 mg  
Mn (min - max) ..... 1 475 - 1 802 mg  
Cu (min - max) ..... 1 620 - 1 980 mg  
Mg (min - max) ..... 720 - 880 mg  
Methionin ..... 3 000 mg

**CÔNG DỤNG:**

Bổ sung vitamin, khoáng chất cho gia súc, gia cầm giúp tăng khả năng hấp thu thức ăn, thú lớn nhanh, khỏe mạnh. Hỗ trợ phòng chống còi cọc, chậm lớn, tăng sản lượng và chất lượng thịt, trứng, sữa.

**LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:**

Pha với nước uống hoặc trộn vào thức ăn.

**Liều dùng chung cho các loài:** 5g/ 5 lít nước uống hoặc 5g/ 5 kg thức ăn, cho ăn liên tục trong quá trình nuôi.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

### VIT C 25%

Tăng sức đề kháng, hạ sốt, giảm đau, hỗ trợ điều trị cấp tốc



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

Vitamin C ..... 250 mg  
Tá dược vừa đủ ..... 1 g

#### CÔNG DỤNG:

Vitamin C đóng một vai trò quan trọng trong quá trình oxy hóa và chuyển hóa tế bào.  
Điều trị trong trường hợp thiếu vitamin C, bổ sung vitamin C và các giai đoạn khi bị căng thẳng (stress) ở trâu, bò, cừu, dê, ngựa, lợn, chó, mèo và gia cầm.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha nước cho uống, hoặc trộn vào thức ăn, trong 3-5 ngày.  
**Gia cầm và lợn:** 10g/10-20 lít nước uống.  
**Trâu, bò, ngựa:** 10g/80 kg thể trọng.  
**Bê, nghé, dê và cừu:** 10g/40 kg thể trọng.  
**Chó:** 1-5g/con.  
**Mèo:** 0,5-1g/con.

### VITAMERAL

Kích thích ra lông, hồng da, mượt lông, tăng cân nhanh



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \* Các thành phần chính:

Biotin (min) ..... 1 200 µg  
Axit folic (min) ..... 500 mg  
Zn (min - max) ... 1 816 - 2 220 mg  
Methionin (min) ..... 25 000 mg  
Vitamin A (min) ..... 5 000 000 UI  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 2 000 000 UI  
Vitamin E (min) ..... 2 000 mg

#### \* Các thành phần khác:

Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 1 000 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 1 000 mg  
Vitamin B<sub>3</sub> (min) ..... 2 000 mg  
Vitamin B<sub>5</sub> (min) ..... 2 000 mg  
Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 1 000 mg  
Vitamin B<sub>12</sub> (min) ..... 5 000 µg  
Chất mang (Glucose) vừa đủ ... 1 kg

#### CÔNG DỤNG:

Thức ăn bổ sung khoáng chất, vitamin cho gia súc, gia cầm. Giúp thúc đẩy quá trình ra lông, hồng da, tăng cân tốt, hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng, còi cọc.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

**Liều dùng chung cho các loài:** 1-2g/ 1 lít nước uống hoặc 100g/ 50 kg thức ăn, cho ăn liên tục trong quá trình nuôi.

### VITAMIN K3 (0.5%)

Tăng khả năng cầm máu, hỗ trợ điều trị bệnh cầu trùng, tiêu chảy ra máu



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \* Chất chính:

Vitamin K<sub>3</sub> (min) ..... 5 000 mg  
Chất mang (Glucose, Bột đá) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung Vitamin K cho gia súc, gia cầm giúp hỗ trợ cầm máu, ngăn chặn chảy máu do thiếu Vitamin K, hỗ trợ phòng ngừa chảy máu sau khi sinh ở vật nuôi, hỗ trợ điều trị trong trường hợp bị nhiễm ký sinh trùng hoặc bị xuất huyết.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha với nước uống.  
**Gia súc:** 1g/2,5 lít nước uống hoặc 1g/1,5kg thức ăn.  
**Gia cầm:** 1g/2,0 lít nước uống hoặc 1g /1kg thức ăn.

### VITLYTE C

Tăng sức đề kháng, bù nước, giải nhiệt, hỗ trợ phòng chống stress



Quy cách: 100g, 500g, 1kg, 5kg

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1kg

#### \* Các thành phần chính:

Vitamin A (min) ..... 80 000 UI  
Vitamin D<sub>3</sub> (min) ..... 20 000 UI  
Vitamin E (min) ..... 160 UI  
Vitamin C (min) ..... 850 mg  
\* Các thành phần khác:  
Vitamin B<sub>1</sub> (min) ..... 200 mg  
Vitamin B<sub>2</sub> (min) ..... 200 mg

Vitamin B<sub>6</sub> (min) ..... 170 mg  
Vitamin B<sub>12</sub> (min) ..... 1.600 µg  
Vitamin K<sub>3</sub> (min) ..... 390 mg  
Natri ..... 182 034 - 222 923 mg  
Chất mang (Glucose) vừa đủ ..... 1 kg  
(Không có kháng sinh, hoocmon và chất cấm).

#### CÔNG DỤNG:

Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm. Giúp vật nuôi tăng cường sức đề kháng, giải nhiệt, bù nước, hỗ trợ phòng chống stress cho thú trong trường hợp sốt cao, chuyển chuồng, giúp thú nhanh hồi phục sau khi bệnh hoặc chủng ngừa vaccine. Góp phần tăng sản lượng và chất lượng thịt, trứng, sữa.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Pha với nước uống hoặc trộn thức ăn.  
**Liều chung cho gia súc và gia cầm:** 2-3g/ lít nước uống hoặc 6g/ 1kg thức ăn.

# Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

## SẢN PHẨM DÙNG NGOÀI DA

### BLUVET-ONE SPRAY

Trị nhiễm trùng vết thương  
ngoài da, sát trùng da



Quy cách: 100ml, 150ml

### GENTAVET SPRAY

Trị nhiễm trùng  
vết thương ngoài da



Quy cách: 100ml, 150ml

### PET CLEAN SHAMPOO

Trị ve, rận, ghẻ  
giảm mùi hôi, dưỡng da



Quy cách: 200ml

### SKIN CARE SHAMPOO

Hương thơm dịu nhẹ,  
dưỡng da, siêu muộn lông



Quy cách: 200ml

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Blue methylen .....	10 mg
Oxytetracyclin .....	5 mg
1,5-Pentanodial .....	2 mg
Isopropyl alcohol .....	0,15 ml
Nước vừa đủ .....	1 ml

#### CÔNG DỤNG:

#### Dùng ngoài da, chuyên trị:

Vết nứt nẻ ở chân, móng, vết loét ở miệng, vú trong bệnh lở mồm long móng trên trâu, bò, lợn.  
Nhiễm trùng vết thương ngoài da, các vết cào, trầy sướt, lở loét, mụn đậu.  
Các vết thương do ghẻ, ve, bọ chét, ruồi, muỗi cắn.  
Sát trùng khu vực chuẩn bị phẫu thuật, nơi tiêm, thiến,...

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Phun đều lên vết thương 2-3 lần/ngày. Làm sạch vết thương hoặc cắt gọt sạch móng trước khi phun.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 1ml

Gentamycin sulfate .....	0,74 mg
Betamethasone .....	0,28 mg
Tá dược vừa đủ .....	1 ml

#### LIỀU DÙNG:

Dùng phun xịt vào vết thương để điều trị các nhiễm trùng cục bộ trên da, vết trầy xước, vết cắt,... trên vật nuôi.  
Trước khi điều trị, loại bỏ lông quá mức, làm sạch tổn thương và khu vực lân cận vết thương. Giữ chai xịt thẳng đứng và cách khu vực bị ảnh hưởng 10-20 cm, xịt thuốc trong 2 lần xịt đủ để thuốc phủ đều trên mặt vết thương.  
Liều thông thường là 2-4 lần một ngày, dùng trong 7 ngày.  
Thân trọng:  
Tránh phun vào mắt vật nuôi.  
Không sử dụng quá 7 ngày.  
Không dùng cho thú bị nhiễm nấm và siêu vi.  
Không sử dụng thuốc này ở vật nuôi dị ứng với bất kỳ thành phần nào của thuốc.  
Điều trị quá 7 ngày có thể dẫn đến việc chữa lành vết thương kéo dài.  
Để xa tầm tay trẻ em hoặc vật nuôi.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 100ml

Cypermethrin (m-phenoxybenzyl-3-(2,2 dichlorovinyl)-2-2 cyclopropanecarboxylate) .....	0,2 g
Sodium Lauryl Ether sulfate .....	15 g
Vitamin E .....	0,23 mg
Vitamin B5 .....	0,23 mg
Flavouring & Colour, Polyquaternium, nước tinh khiết vừa đủ .....	100 ml

#### CÔNG DỤNG:

Diệt ve, rận, bọ, chét, chấy, ghẻ ở chó và thú cảnh.  
Làm sạch da, khử mùi hôi của da lông.  
Đem lại cho thú yêu của bạn bộ lông sạch, đẹp, mùi thơm dễ chịu.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Làm ướt toàn bộ lông, cho từ 10-20ml sữa tắm lên lông và chà xát kỹ, tao bọt, giữ từ 5-10 phút, sau đó tắm lại bằng nước sạch. Để đạt hiệu quả cao mỗi tuần tắm 2-3 lần.

#### THÀNH PHẦN:

Trong 100ml

Sodium Lauryl Ether sulfate .....	15 g
CAPB .....	5 g
Vitamin E .....	0,23 mg
Vitamin B6 .....	0,1 mg
Vitamin B5 .....	0,23 mg
Flavouring & Colour, Polyquaternium, nước tinh khiết vừa đủ .....	100 ml

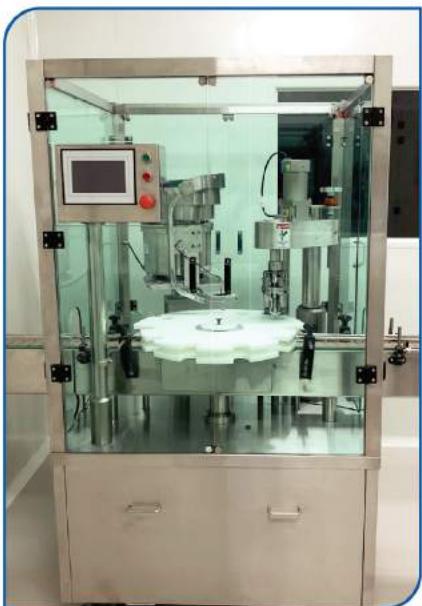
#### CÔNG DỤNG:

- Chống rung lông, giúp lông siêu muộn.  
- Khử mùi hôi, duy trì hương thơm bền lâu, dùng cho thú có da nhạy cảm.  
- Làm sạch da, chống khô da, dưỡng ẩm, khử mùi hôi của da lông.  
- Đem lại cho thú yêu của bạn bộ lông sạch, đẹp, mùi thơm dễ chịu.

#### LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG:

Làm ướt toàn bộ lông, cho dầu tắm lên lông, chà xát và mát xa đều khắp cơ thể trong 1-2 phút, để yên 2-3 phút, sau đó tắm lại bằng nước sạch.  
Mỗi tuần tắm 1-2 lần.

## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu



## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu

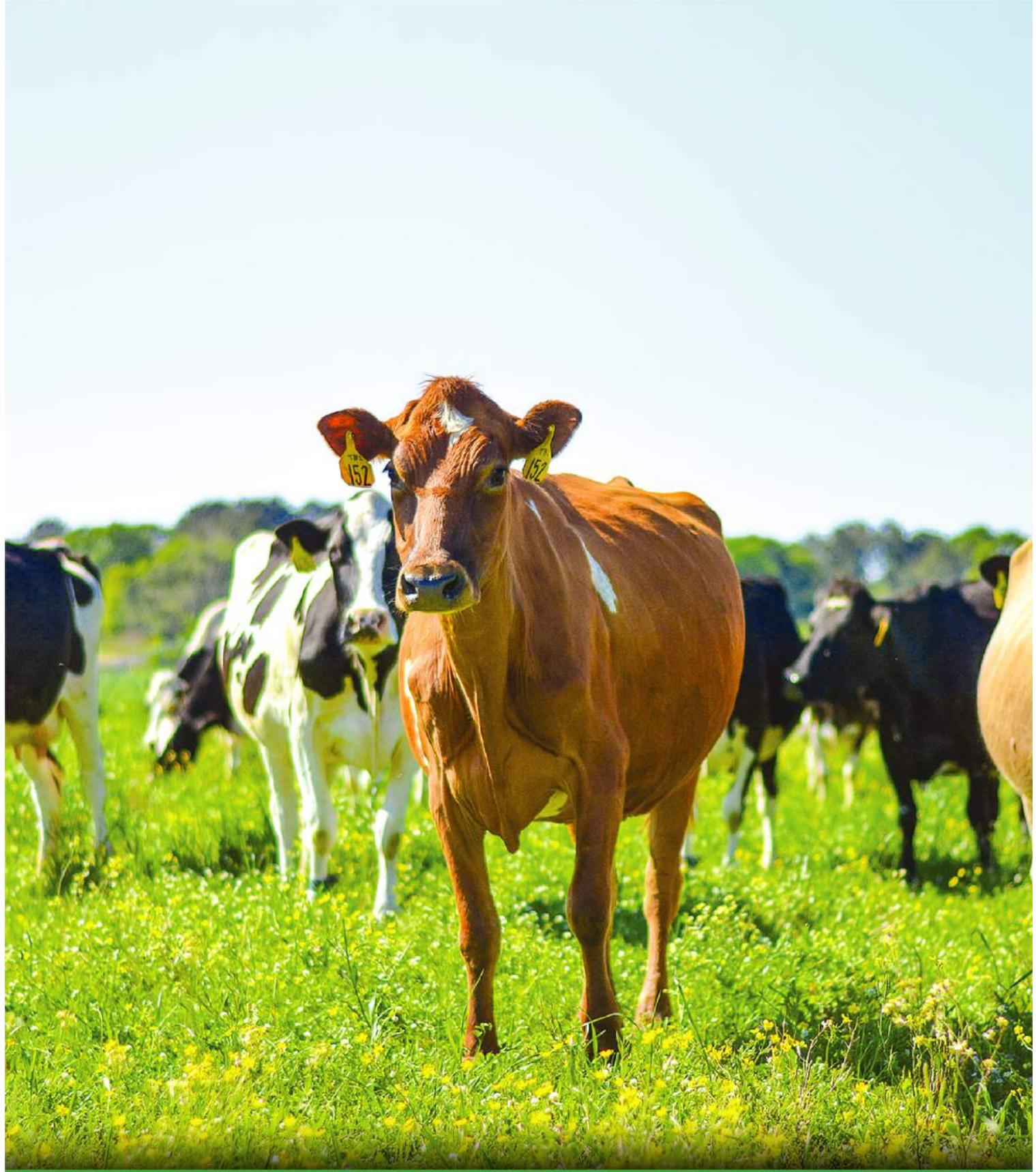


## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu



## Sản xuất theo quy trình công nghệ Châu Âu





## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIETVET

Lô B103, Đường số 4, KCN Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An

📞 (0272) 377 4601     ✉ info.vietvet@gmail.com     🌐 vietvetpharma.com

*Có Vietvet Chăn Nuôi Vui Khỏe*